

Số: 83 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉP KỸ

– Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CENTURY SYNTHETIC FIBER CORPORATION;

– Tên viết tắt: CENTURY CORP;

– Địa chỉ trụ sở chính: Khu B1-1 Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;

– Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302018927 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2005; đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 09 tháng 08 năm 2017.

– Vốn điều lệ: 599.377.980.000 đồng (Năm trăm chín mươi chín tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần Sợi Thê Kỳ chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 10.789.426 cổ phiếu (Mười triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi sáu cổ phiếu), trong đó:
 - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: 4.195.646 cổ phiếu.
 - Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 5.993.780 cổ phiếu.
 - Chào bán cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: 600.000 cổ phiếu.
4. Tổng giá trị chào bán tính theo mệnh giá: 107.894.260.000 đồng (Một trăm linh bảy tỷ tám trăm chín mươi tư triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty TNHH Một thành viên Ngân hàng Đông Á.

Điều 3. Công ty cổ phần Sợi Thê Kỳ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy Chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Sợi Thê Kỳ, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. lc



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**
Phạm Hồng Sơn

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỶ

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302018927 (số cũ: 4103003288) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 09/08/2017)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số **83** /GCN – UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày **28** tháng **12** năm **2018**)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỶ

Địa chỉ: Khu B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3790 7565 **Fax:** (028) 3790 7566

Website: www.theky.vn

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 38336333 **Fax:** (028) 38333891

Website: www.dag.vn

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Đặng Triệu Hòa

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Điện thoại: (028) 3790 7565

Fax: (028) 3790 7566

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỸ

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302018927 (số cũ: 4103003288) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 09/08/2017)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá bán:

- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Chào bán cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu phát hành và chào bán: 10.789.426 cổ phiếu

Trong đó:

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017: 4.195.646 cổ phiếu
- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 5.993.780 cổ phiếu
- Chào bán cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: 600.000 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu phát hành và chào bán (theo mệnh giá): 107.894.260.000 đồng



TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3824 5252

Fax: (028) 3824 5250

Website: www.ey.com



TỔ CHỨC TƯ VẤN:

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP.HCM.

Điện thoại: (028) 38336333

Fax: (028) 38333891

Website: www.dag.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1.	Rủi ro về kinh tế	7
2.	Rủi ro về luật pháp	8
3.	Rủi ro đặc thù	8
4.	Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	9
5.	Rủi ro pha loãng	10
6.	Rủi ro quản trị công ty	11
7.	Rủi ro khác	11
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	12
1.	Tổ chức phát hành	12
2.	Tổ chức tư vấn.....	12
III.	CÁC KHÁI NIỆM	13
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	14
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
1.1.	<i>Thông tin chung</i>	14
1.2.	<i>Lịch sử hình thành và phát triển</i>	14
1.3.	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	17
2.	Cơ cấu tổ chức công ty.....	17
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	19
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/06/2018	23
4.1.	<i>Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan</i>	23
4.2.	<i>Cổ đông sáng lập</i>	27
4.3.	<i>Cơ cấu cổ đông</i>	27
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với STK.....	28
7.	Hoạt động kinh doanh	32
7.1.	<i>Sản phẩm chính của công ty</i>	32
7.2.	<i>Sản lượng sản phẩm tiêu thụ qua các năm</i>	33
7.3.	<i>Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh cung cấp dịch vụ của tổ chức phát hành</i>	35

7.4. Hoạt động Marketing	36
7.5. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	37
7.6. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:	37
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2 năm gần nhất.....	38
8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.....	38
8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	39
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	40
9.1. Vị thế của Công ty trong ngành	40
9.2. Triển vọng phát triển của ngành dệt may Việt Nam	41
9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	42
10. Chính sách đối với người lao động	42
10.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty	43
10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, chế độ phúc lợi	43
11. Chính sách cổ tức	45
12. Tình hình tài chính	46
12.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh.....	46
12.2. Trích khấu hao TSCĐ.....	46
12.3. Mức lương bình quân.....	46
12.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn	47
12.5. Các khoản phải nộp theo luật định	47
12.6. Trích lập các quỹ theo luật định	47
12.7. Tổng dư nợ vay.....	47
12.8. Vốn chủ sở hữu.....	47
13. Tình hình công nợ hiện nay.....	49
13.1. Các khoản phải thu của Công ty.....	49
13.2. Các khoản phải trả của Công ty	49
14. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	50
15. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	51
15.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch HĐQT.....	51
15.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Kiểm Soát.....	59
15.3. Ban Tổng Giám đốc	61
16. Tài sản	65
16.1. Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính tại 30/09/2018	65

16.2. Bất động sản đầu tư	65
16.3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	65
17. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	65
18. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	66
19. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	67
20. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	67
21. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán	67
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	68
1. Loại cổ phiếu	68
2. Mệnh giá	68
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	68
4. Giá chào bán dự kiến	68
5. Phương pháp tính giá	68
5.1. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2017	68
5.2. Một số chỉ tiêu cơ bản của những doanh nghiệp cùng ngành tại ngày 31/12/2017:	68
5.3. Phương pháp so sánh P/E	69
5.4. Phương pháp so sánh P/BV	69
5.5. Kết luận	69
6. Phương thức phân phối	69
6.1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông hiện hữu	69
6.2. Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền	70
6.3. Chào bán cổ phiếu cho CBCNV	71
7. Thời gian phân phối cổ phiếu	72
8. Đăng ký mua cổ phiếu	73
9. Phương thức thực hiện quyền	73
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	74
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	74
12. Các loại thuế có liên quan	75
13. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu	76
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	77
1. Mục đích chào bán	77
2. Phương án khả thi	77
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	81
1. Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán	81

2.	Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	81
3.	Phương án xử lý trong trường hợp không huy động đủ nguồn vốn.....	81
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	82
1.	Tổ chức phát hành	82
2.	Tổ chức kiểm toán.....	82
3.	Tổ chức tư vấn.....	82
IX.	PHỤ LỤC.....	83
X.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	84

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro kinh tế là những thay đổi nội tại của nền kinh tế cùng với sự thay đổi của chính sách tài chính và tiền tệ làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động của Công ty.

Theo số liệu từ IMF, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, năm 2017, kinh tế thế giới phục hồi tốt hơn, tăng trưởng kinh tế đạt 3,7% (cao hơn 0,5 điểm % so với năm 2016) nhờ sự gia tăng đầu tư, thương mại và sản xuất công nghiệp. Các nền kinh tế chủ chốt đều có sự phục hồi vững chắc đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Thị trường tài chính thế giới cũng tăng trưởng tích cực trong năm 2017 và hầu hết các đồng tiền các quốc gia có giao thương với Sợi Thế Kỳ đều tăng mạnh so với đồng USD. Ngoài ra, chỉ số USDIindex giảm 9,1% so với đầu năm. EURO-DOLLAR tăng 14%, Nhân Dân Tệ tăng 7% so với đồng USD. Đồng Việt Nam chỉ tăng giá nhẹ (0,3%) so với đồng USD mục đích tăng cường năng lực cạnh tranh cho xuất khẩu Việt Nam.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê Việt Nam, GDP 2017 ước tăng 6,7%, cao hơn khoảng 0,5 điểm % so với năm 2016 nhờ sự cải thiện mạnh về tổng cung của nền kinh tế. Trong 0,5 điểm % tăng thêm của tăng trưởng năm 2017 so với năm 2016, khu vực dịch vụ đóng góp nhiều nhất với 0,26 điểm % nhờ kết quả tăng trưởng ấn tượng của hoạt động bán buôn bán lẻ và ngành du lịch, tiếp theo là khu vực nông, lâm, thủy sản với 0,23 điểm %, và cuối cùng khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 0,04 điểm %. Đáng chú ý là trong bối cảnh ngành khai khoáng tiếp tục giảm sâu, ngành công nghiệp chế biến chế tạo đã có mức tăng trưởng cao nhất trong những năm gần đây để trở thành động lực dẫn dắt khu vực công nghiệp và xây dựng duy trì mức tăng tương đương năm 2016. GDP 06 tháng đầu năm 2018 tăng 7,08% so với cùng kỳ năm trước (Quý I tăng 7,45%; quý II tăng 6,79%), là mức tăng cao nhất của 6 tháng kể từ năm 2011, chỉ số CPI bình quân 6 tháng năm 2018 cũng tăng 3,29% so với tháng 12 năm 2017, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả trong việc Chính phủ chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2018.



Có thể thấy, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam có đang tiếp tục tăng trưởng so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ tình hình kinh tế thế giới nói chung đang trên đà hồi phục; tình hình kinh tế Việt Nam nói riêng có phần khởi sắc nhờ vào quá trình hội nhập và các hiệp định thương mại tự do (FTA) được ký kết và có hiệu lực đã phần nào ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và xuất nhập khẩu. Điều này cũng ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ (STK).

2. Rủi ro về luật pháp

Cũng như nhiều doanh nghiệp cổ phần khác, hoạt động của STK chịu sự ảnh hưởng đồng thời bởi nhiều bộ Luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Bộ Luật Lao Động, Luật Chứng khoán, ... Tuy nhiên, hệ thống các văn bản pháp luật của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, vì thế những thay đổi, điều chỉnh thường xuyên là điều không thể tránh khỏi. Đây là rủi ro pháp lý thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với những thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam cũng như luật quốc tế của các quốc gia giao thương hàng hóa với STK.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào

Đặc thù nguyên liệu đầu vào để sản xuất sản phẩm của STK là hạt polyester chip (PET chip), chi phí nguyên liệu đầu vào chiếm khoảng 55% - 60% trong cơ cấu giá vốn hàng bán và chịu ảnh hưởng lớn bởi sự biến động của giá dầu. Đây là yếu tố cơ bản và quan trọng nhất tác động đến kết quả kinh doanh của STK.

Từ năm 2016 đến nay, giá hạt polyester chip có xu hướng tăng do ảnh hưởng chung từ tình hình biến động giá dầu thế giới. Bình quân 06 tháng đầu năm 2018, giá dầu Brent thế giới đạt mức 70,9 USD/thùng, cao hơn nhiều so với mức 52,78 USD/thùng của bình quân cùng kỳ năm 2017.

Để giảm thiểu rủi ro từ sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã chủ động mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu, không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhà cung cấp nào. Đồng thời, Công ty đa dạng hóa danh mục khách hàng và cơ chế khớp hợp đồng mua nguyên liệu với hợp đồng bán thành phẩm để có thể duy trì được biên lợi nhuận giữa giá bán thành phẩm và giá mua hạt nhựa polyester chip.

3.2. Rủi ro tỷ giá

Hiện tại, doanh thu từ hàng xuất khẩu trực tiếp tại STK chiếm hơn 50% cơ cấu tổng doanh số toàn Công ty; đồng thời, nguyên vật liệu là hạt nhựa polyester chiếm khoảng 55% - 60% trong giá vốn hàng bán được Công ty nhập khẩu bằng USD. Do đó, việc biến động trong tỷ giá ngoại tệ so với VND sẽ ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của Công ty.

Năm 2017, tỷ giá USD/VND khá ổn định. Tính đến tháng 12/2017, tỷ giá trung tâm ước tăng khoảng 1,5 - 1,7% so với đầu năm. Trong khi đó, tỷ giá NHTM giảm khoảng 0,2%, tỷ giá thị

trường tự do giảm khoảng 1,5 % so với đầu năm. Tỷ giá thương mại hàng hóa quý II/2018 tăng 0,35% so với quý I/2018 và tăng 0,07% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm, tỷ giá thương mại hàng hóa giảm 0,37% so với cùng kỳ năm 2017, chủ yếu do tỷ giá thương mại của 4 nhóm mặt hàng: Rau quả, hóa chất, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ giảm, trong đó nhóm cao su giảm mạnh tới 9,83%..

Để kiểm soát rủi ro từ vấn đề biến động tỷ giá, Công ty luôn chú tâm theo dõi các diễn biến tỷ giá, nhằm đánh giá, dự đoán xu hướng, để có thể hạn chế đến mức tối đa những biến động của tỷ giá gây ảnh hưởng xấu đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

3.3. Rủi ro vận hành

Rủi ro vận hành thường xảy ra khi nhân viên không tuân thủ các qui trình sản xuất có thể gây ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Đây là rủi ro được Công ty đánh giá cao vì dễ xảy ra và gây hệ quả lớn. Do đó, STK rất chú trọng đến công tác đào tạo kỹ năng tay nghề tại hiện trường, thường xuyên cập nhật các qui trình hoạt động, tiến hành kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ quy định của bộ phận sản xuất và tăng cường vai trò tự kiểm soát trong quá trình hoạt động đối với mỗi nhân viên.

3.4. Rủi ro môi trường

Nguyên vật liệu chính của STK là PET chip là chế phẩm của dầu mỏ và nguyên vật liệu phụ là ống giấy và thùng giấy là những sản phẩm mà việc sản xuất có thể gây ô nhiễm môi trường và suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chính vì thế, các qui định và chính sách trên thế giới về môi trường đặc biệt là về vấn đề khai thác dầu mỏ và tài nguyên rừng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn cung của các nguyên vật liệu này, qua đó gây tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của STK.

Để giảm thiểu những rủi ro này, STK đã thực hiện nghiên cứu phát triển các loại sản phẩm mới như sợi Recycled (sử dụng Recycled PET chip được tái chế từ các chai nhựa polyester để giảm thiểu khai thác dầu mỏ) và phối hợp với đơn vị cung ứng để nâng cao chất lượng sản phẩm ống giấy POY để có thể tái sử dụng lại nhiều lần (qua đó hạn chế việc khai thác rừng). Ngoài ra, Công ty còn đưa ra các cam kết, ban hành Sổ tay môi trường và các chính sách hướng dẫn quản lý và sử dụng hóa chất độc hại để giảm thiểu tối đa các tác động xấu của quá trình sản xuất kinh doanh đến môi trường xung quanh.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán này không có đơn vị bảo lãnh phát hành. Do đó, rủi ro của đợt chào bán có thể xảy ra khi Công ty không phân phối hết số lượng cổ phiếu chào bán. Trong lần chào bán này, STK thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, chào bán cổ phiếu theo chương trình ESOP cho cán bộ công nhân viên và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017. Rủi ro từ đợt chào bán được đánh giá là khá thấp vì đối tượng được chào bán chủ yếu là cổ đông hiện hữu và cán bộ chủ chốt, là những người hiểu rất rõ định hướng phát triển, tình hình kinh doanh cũng như năng lực của Ban lãnh đạo Công ty. Tuy nhiên, trong trường hợp không bán hết số cổ phần chào bán để đầu tư cho dự án Trảng Bàng 5, Công ty sử dụng nguồn vốn vay và/hoặc nguồn vốn từ lợi nhuận còn lại chưa phân phối để đảm bảo triển khai dự án đúng tiến độ.

4.2. *Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán*

Đối với số tiền thu được từ chào bán cho cổ đông hiện hữu, Công ty sẽ sử dụng để đầu tư cho dự án Trảng Bàng 5. Trảng Bàng 5 là Giai đoạn IV của Dự án “Nhà máy sản xuất sợi tơ tổng hợp POY, DTY, FDY” theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số dự án 0380478317) do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp. Từ khi đầu tư vào dự án “Nhà máy sản xuất sợi tơ tổng hợp POY, DTY” năm 2009 tại Khu công nghiệp Trảng Bàng đến nay, Công ty đã liên tục mở rộng quy mô sản xuất qua 4 giai đoạn. Dự kiến sản lượng sợi DTY của dự án Trảng Bàng 5 (Giai đoạn IV) khi đưa vào khai thác là 3.300 tấn/năm và Polyester Chip là 1.500 tấn/năm. Công ty sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán để tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất sợi, vốn là lĩnh vực hoạt động chính của Công ty, không phải đầu tư vào lĩnh vực mới. Với 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất sợi, trang thiết bị hiện đại, đội ngũ lãnh đạo năng động và kinh nghiệm lâu năm, việc đưa dự án vào hoạt động sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty. Do vậy, rủi ro của dự án này là không cao, rủi ro nếu có chủ yếu đến từ kết quả hoạt động kinh doanh của STK trong tương lai.

5. **Rủi ro pha loãng**

5.1. *Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu*

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã giao dịch STK. Giá tham chiếu cổ phiếu STK tại ngày giao dịch không hưởng quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu và thực hiện quyền mua cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh tương ứng theo công thức sau:

$$\text{Giá tham chiếu (điều chỉnh)} = \frac{(\text{SLCP lưu hành trước phát hành} \times \text{Giá cổ phiếu trước phát hành} + \text{SLCP phát hành cho CĐHH} \times \text{Giá phát hành} + \text{SLCP phát hành để trả cổ tức} \times 0)}{(\text{Tổng SLCP sau phát hành})}$$

Số cổ phiếu sau phát hành của STK trong công thức trên được tính như sau:

Số lượng cổ phiếu trước thời điểm thực hiện phát hành	(1)	59.937.798
Cổ phiếu quỹ	(2)	0
Số lượng cổ phiếu lưu hành trước thời điểm thực hiện phát hành	(3) = (1) – (2)	59.937.798
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm	(4)	10.189.426
<i>Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 (tỷ lệ 100:7)</i>		4.195.646
<i>Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 10:1)</i>		5.993.780
Số lượng cổ phiếu sau thời điểm thực hiện phát hành	(5) = (3) + (4)	70.127.224

Giá sử giá đóng cửa cổ phiếu STK vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là **14.000 đồng/cổ phiếu**. Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của STK được xác định như sau:

$$\text{Giá tham chiếu (điều chỉnh)} = \frac{59.937.798 \times 14.000 + 5.993.780 \times 10.000 + 4.195.646 \times 0}{70.127.224}$$

= 12.564 đồng/cổ phiếu

Lưu ý: Giá cổ phiếu của STK trong ví dụ trên có thể biến động và thay đổi tại thời điểm chốt danh sách cổ đông, ví dụ nêu trên chỉ nhằm mục đích chứng minh sự thay đổi về giá cổ phần khi cổ phiếu bị pha loãng.

5.2. **Rủi ro pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)**

EPS = Lợi nhuận sau thuế/Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân

Khi phát hành thêm cổ phần, EPS có thể sẽ bị suy giảm do lợi nhuận sau thuế phải chia cho một số lượng cổ phiếu lớn hơn sau khi phát hành cũng như tốc độ tăng trưởng lợi nhuận có thể không theo kịp với tốc độ tăng của vốn điều lệ.

Trong đợt phát hành này, Công ty sẽ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017, phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm tăng 18% so với số lượng cổ phần đang lưu hành của STK. Dự kiến thời gian hoàn tất các đợt phát hành này sẽ rơi vào đầu năm 2019. Do đó, việc phát hành thêm cổ phiếu chưa làm pha loãng EPS của năm 2018, mà tác động này sẽ thể hiện rõ hơn đối với EPS của năm 2019.

6. **Rủi ro quản trị công ty**

Rủi ro quản trị là loại rủi ro xuất phát từ việc quản trị Công ty, có thể ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Những nội dung liên quan tới quản trị công ty bao gồm: cơ cấu cổ đông, cơ cấu quản trị, mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các bên liên quan,...

Đối với STK, sau khi phát hành quy mô vốn điều lệ của Công ty sẽ tăng đáng kể, việc này sẽ kéo theo những khó khăn, rủi ro về mặt quản trị công ty cũng như quản lý, sử dụng nguồn vốn, nhân lực sao cho hiệu quả. Dù vậy, với bề dày lịch sử hoạt động cùng với đội ngũ lãnh đạo tâm huyết, Công ty sẽ phần nào hạn chế được rủi ro này.

7. **Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, giá cổ phiếu của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của các rủi ro như: nhu cầu sụt giảm do khủng hoảng kinh tế toàn cầu; cạnh tranh từ xu hướng dịch chuyển sản xuất dệt may từ Trung Quốc và các quốc gia khác như Hàn Quốc và Đài Loan sang Việt Nam cùng với làn sóng đầu tư từ FTA; rủi ro bị kiện phá giá do yêu cầu phòng vệ từ các nước muốn bảo vệ nhà sản xuất nội địa; ... Để hạn chế tối đa các rủi ro này, STK đang dần nâng cấp các chính sách và hệ thống quản lý về năng lực sản xuất, giá cả, chất lượng, đồng thời mở rộng thị trường và tạo các cơ hội hợp tác với các khách hàng, đối tác mới.

Bên cạnh đó, các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn,... là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại lớn về vật chất mà không thể ngăn chặn được, cũng như sẽ gây thiệt hại cho con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa các thiệt hại, Công ty luôn tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản có giá trị lớn, bảo hiểm lao động, cháy nổ, rủi ro gián đoạn hoạt động kinh doanh...

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức phát hành****Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ****Ông Đặng Triệu Hòa**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Phan Như Bích

Chức vụ: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Tự Lực

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính quá khứ và hiện tại của Công ty trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn**Công ty TNHH một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á****Ông Dương Thế Quang**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 13/2018/UQ-DAS của Chủ tịch Hội đồng thành viên DAS đã ký ngày 18/09/2018)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty TNHH một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

• Công ty/Sợi Thép Kỹ/STK	Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ
• Tổ chức tư vấn/DAS	Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
• TP. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
• CTCP	Công ty cổ phần
• ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
• HĐQT	Hội đồng quản trị
• BKS	Ban kiểm soát
• TGĐ	Tổng Giám đốc
• CBCNV	Cán bộ công nhân viên
• ESOP	Employee stock ownership Plan
• TSCĐ	Tài sản cố định
• CP	Cổ phần
• LNST	Lợi nhuận sau thuế
• DTT	Doanh thu thuần
• TTNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
• TTNCN	Thuế thu nhập cá nhân
• PCCC	Phòng cháy chữa cháy
• QSD	Quyền sử dụng
• GCN ĐKDN	Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
• UBCKNN	Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Thông tin chung**

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỸ

Tên giao dịch : Century Corp.

Tên tiếng Anh : Century Synthetic Fiber Corporation

Tên viết tắt : STK

Logo : 

Vốn điều lệ : 599.377.980.000 đồng

GCN ĐKDN : Số 0302018927 (số cũ: 4103003288) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 09/08/2017.

Trụ sở chính : Khu B1-1 Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP. HCM.

Điện thoại : (028) 3790 7565

Fax : (028) 3790 7566

Email : csf@century.vn

Website : www.thekey.vn

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển**✓ 2000: Thành lập ngày 01/06/2000**

Sợi Thế Kỹ tiền thân là Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Thương mại Thế Kỹ, được thành lập ngày 01/06/2000 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101001242, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 01/06/2000, chuyên sản xuất sợi DTY (Draw Textured Yarn) từ nguyên liệu sợi POY (Partially Oriented Yarn) nhập khẩu.

Trụ sở và nhà máy của Sợi Thế Kỹ đặt trong khuôn viên có diện tích 16.800m² tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP.HCM. Tổng công suất thiết kế cho nhà máy sản xuất sợi DTY (Draw Textured Yarn) đạt 4.800 tấn/năm.

✓ 2003: Đầu tư mở rộng năng lực sản xuất

Năm 2003, tận dụng cơ hội phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp dệt may, Sợi Thế Kỹ đã đầu tư mở rộng công suất sản xuất DTY lên gấp đôi, tương đương 9.600 tấn/năm để đáp ứng nhu cầu thị trường. Nhà máy được trang bị các dây chuyền sản xuất hiện đại được nhập

khẩu từ Tập đoàn Oerlikon Barmag chuyên sản xuất sợi tổng hợp polyester với đầy đủ các quy cách chủng loại.

✓ **2005: Chuyển đổi thành công ty cổ phần**

Ngày 11/04/2005, Sợi Thế Kỷ được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103003288, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Sự thay đổi mang tính chiến lược này giúp Sợi Thế Kỷ đa dạng hóa các nguồn vốn huy động nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển không ngừng của Công ty.

✓ **2007: Tăng vốn, mở rộng đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, nhận chứng chỉ ISO 9001:2000**

Sợi Thế Kỷ nhận chứng chỉ ISO 9001 phiên bản 2000 được cấp bởi tổ chức AFNOR (the Association Francaise de Normalisation), một chi nhánh của hệ thống tiêu chuẩn hoá Châu Âu (CEN) và là thành viên của Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế (ISO). Hiện tại, Công ty đã được cấp chứng chỉ ISO 9001:2008. Các quy trình quản lý sản xuất luôn tuân thủ nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn hệ thống ISO 9001:2008, KAIZEN, 5S do các chuyên gia Nhật Bản tư vấn và triển khai.

Tháng 9 năm 2007, Sợi Thế Kỷ tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược và nhân viên. Vốn điều lệ được tăng từ 50 tỷ đồng lên 91,5 tỷ đồng. Nguồn vốn huy động thêm được Công ty dùng để đầu tư thêm nhà máy sản xuất nguyên liệu đầu vào POY từ hạt polyester chips với công suất 14.500 tấn/năm và mở rộng thị trường xuất khẩu để đưa các sản phẩm mang thương hiệu “Century” khẳng định vị trí trên trường quốc tế. Tổng công suất sản xuất sợi DTY nâng lên 15.000 tấn/năm.

✓ **2008: Trở thành công ty Việt Nam đầu tiên sản xuất polyester microfilament từ polyester chip**

Sợi Thế Kỷ đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất sợi POY (nguyên liệu đầu vào sản xuất sợi DTY) để góp phần gia tăng lợi nhuận. Việc đầu tư sản xuất sợi POY còn hướng đến mục tiêu giảm sự phụ thuộc vào nguyên liệu POY nhập khẩu, đặc biệt là sự biến động giá cả và nguồn cung sợi POY. Tổng công suất sản xuất sợi POY đạt 14.500 tấn/năm. Đầu tư phát triển dây chuyền sản xuất sợi POY là một bước ngoặt trong quá trình phát triển và mở ra cơ hội mới cho Sợi Thế Kỷ vì với sự kiện này, Sợi Thế Kỷ chính thức trở thành công ty Việt Nam đầu tiên sản xuất sợi Polyester microfilament từ polyester chip.

✓ **2009 - 2010: Tăng vốn và đầu tư xây dựng nhà máy thứ hai tại Chi nhánh Trảng Bàng, Tây Ninh**

Thành lập “Chi nhánh Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ” tại địa chỉ: Đường số 8, Khu công nghiệp Trảng Bàng, xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh với giấy chứng nhận đầu tư số 45211000130 ngày 26/06/2009 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Tây Ninh cấp.

Trong năm, Sợi Thế Kỷ thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư chiến lược để tăng vốn điều lệ lên 180 tỷ đồng. Nguồn vốn huy động để thực hiện đầu tư nhà máy sản xuất sợi POY, DTY, FDY tại Chi nhánh Trảng Bàng, tăng công suất sản xuất DTY

và POY thêm 11.000 tấn/năm. Nhà máy này được khởi công xây dựng vào ngày 28/11/2009 và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất từ 18/01/2011.

✓ **2011: Trở thành Công ty đại chúng**

Ngày 21/02/2011, Sợi Thế Kỹ đã chính thức trở thành công ty đại chúng. Việc trở thành công ty đại chúng thể hiện cam kết của Công ty luôn đem lại lợi ích tối đa cho cổ đông và khách hàng. Công ty luôn nâng cao năng lực quản trị, minh bạch trong quản lý và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

✓ **2011 - 2013: Đưa vào hoạt động nhà máy sợi tại Chi nhánh Trảng Bàng**

Nhà máy được khánh thành để đưa vào khai thác thương mại từ tháng 01/2011. Ngoài POY và DTY, nhà máy còn sản xuất thêm sản phẩm mới FDY để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường. Với dự án này đã nâng tổng công suất toàn công ty lên 29.500 tấn POY/năm và 37.000 tấn DTY & FDY/năm.

Để đáp ứng cho chiến lược phát triển dài hạn của công ty, từ đầu năm 2012, Công ty đã chính thức áp dụng hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp hiện đại bậc nhất hiện nay là ERP (SAP All-in-One) và hiện tại tất cả các tác nghiệp đã được vận hành trên hệ thống SAP này.

✓ **2014: Đón đầu xu hướng, nắm bắt cơ hội**

Để nắm bắt cơ hội từ xu thế dịch chuyển đại trà các nhà sản xuất từ Trung Quốc qua Việt Nam, cơ hội tăng thêm do Hiệp định TPP mang lại đồng thời để tối ưu hóa quy mô sản xuất của Công ty, STK đã triển khai dự án đầu tư nhà máy mở rộng tại Trảng Bàng với tổng vốn đầu tư dự kiến 34,2 triệu USD.

Huy động vốn thuận lợi, IPO thành công ra công chúng 3 triệu cổ phiếu thu được 75 tỷ đồng để tài trợ cho dự án xây dựng mở rộng nhà máy Trảng Bàng – Giai đoạn 3.

✓ **2015: Niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), phát triển thành công sản phẩm mới Sợi tái chế**

Ngày 30/09/2015, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại HOSE. Uy tín thương hiệu STK và giá trị Công ty được nâng cao.

Ngày 18/09/2015, nhà máy mở rộng Trảng Bàng – Giai đoạn 3 chính thức đi vào hoạt động. Nhà máy có công suất sản xuất khoảng 15.000 tấn sợi POY/năm và 15.000 tấn sợi DTY/năm, góp phần nâng tổng công suất toàn Công ty lên khoảng 52.000 tấn DTY & FDY/năm. Bên cạnh các dàn máy kéo sợi DTY tự động có công nghệ hiện đại do tập đoàn hàng đầu Châu Âu Oerlikon Barmag sản xuất, nhà máy mới còn được trang bị hệ thống điều khiển trung tâm (“POC”-“Plant Operation Center”).

Công ty đã hợp tác với một doanh nghiệp hàng đầu trong ngành nhằm phát triển thành công sản phẩm Sợi tái chế từ hạt nhựa tái chế, bước đầu triển khai thành công chiến lược đa dạng hóa phân khúc sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn.

Nắm bắt cơ hội ở các thị trường mới nhờ hưởng ưu đãi thuế suất thông qua các Hiệp định Thương mại Tự Do (“FTAs”).

✓ **2016: Xây dựng bàn đạp cho Phát triển bền vững**

Tiếp tục đầu tư mở rộng nhà máy Trảng Bàng 4, nâng tổng công suất của Công ty lên 60.000 tấn DTY và FDY/năm vào cuối năm 2016.

Được tổ chức Control Union cấp giấy chứng nhận GRS 3.0 về sản xuất tái chế.

Được tổ chức SGS cấp giấy xác nhận sản phẩm của Công ty tuân thủ các qui định về sử dụng hóa chất độc hại theo qui định của REACH do cục Hóa Chất Châu Âu (European Chemical Agency) ban hành.

Ký hợp đồng nhượng quyền Thương hiệu về sản xuất sợi tái chế với một doanh nghiệp hàng đầu cùng ngành và bắt đầu triển khai bán mặt hàng này cho các khách hàng tại thị trường Việt Nam và quốc tế.

✓ **2017: Năm bắt cơ hội để tăng trưởng vượt trội**

Đưa nhà máy Trảng Bàng 4 vào hoạt động, nâng tổng công suất sản xuất lên 60.000 tấn/năm. Khai thác thành công hai thị trường mới là Hàn Quốc và Nhật Bản.

Nhằm bắt kịp xu hướng sử dụng sợi tái chế STK đã hợp tác với Tập đoàn Unifi để trở thành nhà sản xuất nhượng quyền dưới thương hiệu REPREVE cung cấp sản phẩm cho các nhãn hàng lớn trên thế giới. Sản phẩm của STK cũng được cấp chứng chỉ OEKO-TEX 100 chứng nhận sản phẩm không thải hóa chất độc hại ra môi trường theo chương trình ZDHC.

Công ty hợp tác với đối tác chiến lược thành lập Công ty cổ phần E.DYE Việt Nam chuyên sản xuất Sợi màu, không gây ô nhiễm môi trường nước và tiết kiệm nước sạch.

Ngày 20/10/2017, Công ty đã mua thêm 4.000.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Unitex (Unitex), tăng tỷ lệ sở hữu tại Unitex từ 49,99% lên 100% và trở thành Công ty mẹ của Unitex. Tính đến 31/12/2017, Unitex vẫn đang trong giai đoạn chuẩn bị xây dựng và phát triển dự án.

Ngày 04/12/2017, Công ty được Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số dự án 0380478317) đăng ký thay đổi lần thứ 11 để tiếp tục triển khai dự án Trảng Bàng 5 (giai đoạn IV dự án Nhà máy sản xuất sợi tơ tổng hợp POY, DTY, FDY – Chi nhánh Trảng Bàng). Nhà máy Trảng Bàng 5 sẽ sản xuất 2 sản phẩm chính là sợi DTY và Chip Polyester từ tái chế sợi phế.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo GCN ĐKDN số 0302018927 (số cũ: 4103003288) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 09/08/2017, Công ty được phép kinh doanh lĩnh vực: Sản xuất sợi tơ tổng hợp, dệt kim.

Với lĩnh vực kinh doanh đã được đăng ký như trên, Công ty hiện đang sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài polyester, bao gồm sợi DTY và FDY.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Trụ sở Công ty:

- Địa chỉ: Khu B1-1 Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 3790 7565 Fax: (028) 3790 7566
- Website: www.thekey.vn

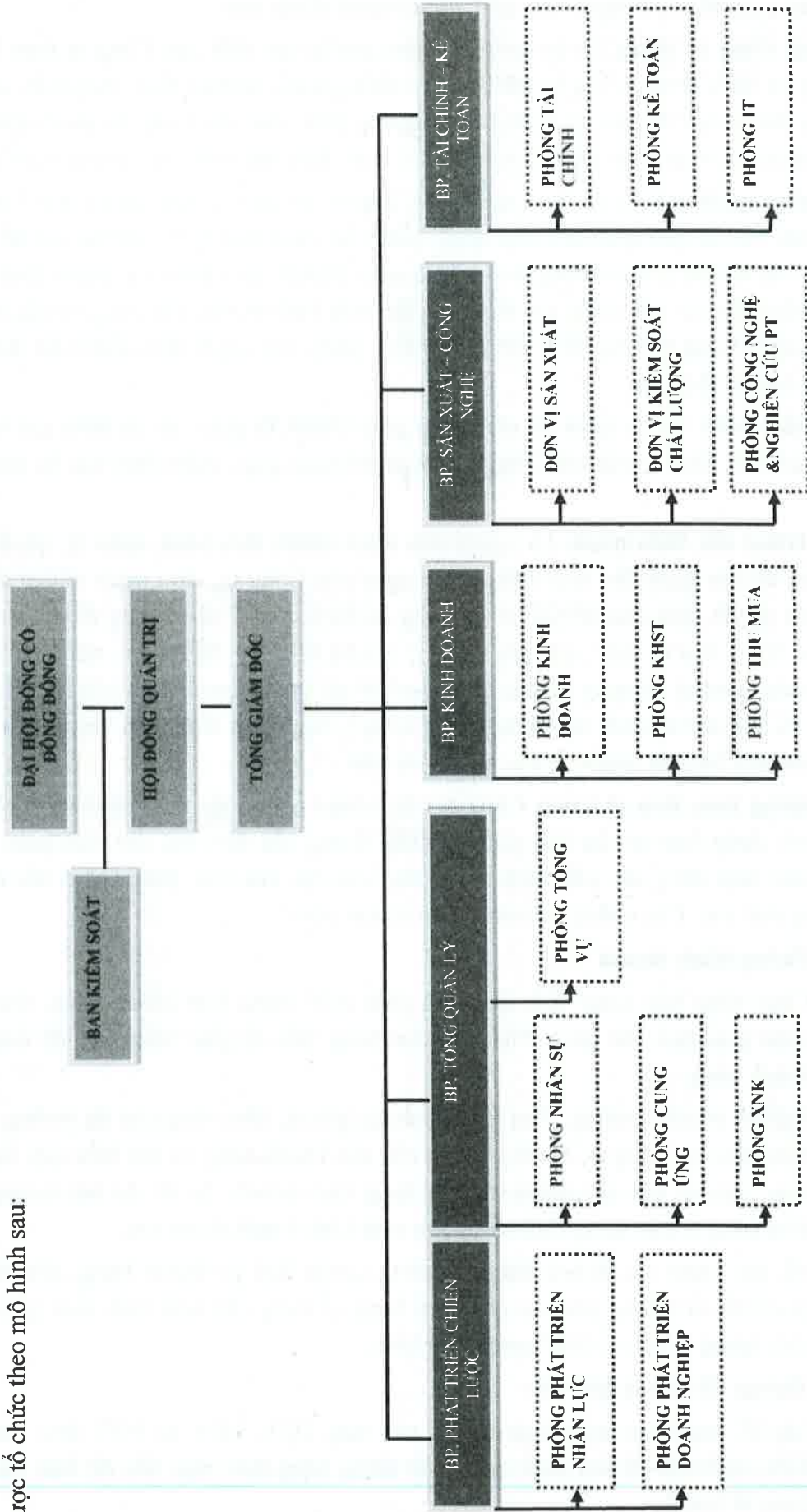


Chi nhánh Công ty:

- Địa chỉ: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại: (0276) 3899 537 Fax: (0276) 3899 536

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình sau:



Nguồn: CTCP Sợi Thép Kỹ

Bộ máy quản lý của Công ty bao gồm các cơ quan chính sau:

Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. ĐHĐCĐ có những trách nhiệm chính: thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về hướng phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. HĐQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Công ty, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty đồng thời đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do ĐHĐCĐ đề ra.

Ban kiểm soát: Là cơ quan có nhiệm vụ giúp ĐHĐCĐ giám sát và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Tổng Giám đốc Điều hành: Là người chịu trách nhiệm điều hành, quản lý, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT về phương án kinh doanh và phương án đầu tư, kiến nghị cách bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc quyền quyết định của HĐQT, quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến hay bắt nguồn từ các nhiệm vụ trên.

Các phòng ban, đơn vị trong Công ty: thực hiện công việc theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc đạt hiệu quả và năng suất cao. Các phòng ban của Công ty bao gồm:

❖ **Phòng Kinh doanh**

- Chức năng bán hàng: Xây dựng và phát triển mạng lưới khách hàng, thực hiện đàm phán giao dịch bán hàng. Theo dõi đơn hàng, tiến độ giao hàng, tiến độ thanh toán của khách hàng.
- Nghiên cứu thị trường: Tìm hiểu nhu cầu, giá cả, tiềm năng của thị trường và thị phần hiện hữu của công ty. Đánh giá nhu cầu của khách hàng và tìm hiểu quy luật cung cầu theo mùa vụ của sản phẩm công ty đang kinh doanh. Từ đó dự báo hướng phát triển giúp công ty xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh chính xác.
- Hỗ trợ, chăm sóc khách hàng: Thường xuyên liên hệ khách hàng, tiếp nhận và giải quyết tất cả những yêu cầu từ khách hàng về cung cấp mẫu mới, thời gian giao hàng, chất lượng phục vụ, chất lượng sản phẩm.

❖ **Phòng Kế hoạch sản tiêu**

- Lập kế hoạch sản xuất thực tế cho nhà máy DTY, FDY và POY theo đơn đặt hàng; Kiểm soát tiến độ sản xuất, tỷ lệ chất lượng hàng theo mục tiêu để đảm bảo giao hàng đúng kế hoạch.

- Lập kế hoạch trên SAP: Tạo lệnh sản xuất trên SAP; Tạo PR gia công cho chi nhánh nhà máy Trắng Bàng; Điều tiết hàng POY giữa Hội sở và chi nhánh đáp ứng yêu cầu sản xuất.
- Cung ứng nguyên vật liệu đáp ứng cho nhà máy sử dụng: Cân đối và đề nghị mua đúng, đủ, hợp lý các nguyên vật liệu, phụ liệu, dầu tẩm sợi phục vụ cho sản xuất; Theo dõi nhu cầu nguyên vật liệu về đúng tiến độ; Kiểm soát tồn kho theo định mức tối đa – tối thiểu.

❖ **Phòng thu mua**

- Bảo đảm cung cấp vật tư, nguyên liệu, thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất. Thực hiện đàm phán với các nhà cung cấp dịch vụ, đáp ứng yêu cầu sản xuất và sử dụng của các phòng ban trong Công ty.
- Chịu trách nhiệm về việc đáp ứng tiến độ mua hàng, hàng hóa đáp ứng đúng theo tiêu chuẩn yêu cầu về chất lượng, số lượng, qui cách, chủng loại với giá cả phù hợp và chứng từ thanh toán đầy đủ, hợp lệ theo qui định.
- Phối hợp các bộ phận liên quan kiểm soát và xây dựng kế hoạch đặt hàng, kế hoạch giao hàng đảm bảo an toàn tồn kho, đáp ứng sản xuất và kế hoạch lập ra phải hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.
- Xây dựng mạng lưới nhà cung ứng, theo dõi đánh giá năng lực nhà cung ứng, giúp công ty có được mạng lưới các nhà cung ứng ổn định về chất lượng, đảm bảo số lượng, thời gian và giá cả tốt nhất.

❖ **Bộ phận sản xuất – Kiểm soát chất lượng**

- Quản lý điều hành hoạt động sản xuất: Bố trí, sắp xếp, quản lý nhân sự đáp ứng nhu cầu sản xuất. Đào tạo nâng cao tay nghề cho nhân viên.
- Triển khai kế hoạch sản xuất: Tổ chức sản xuất đáp ứng yêu cầu đơn hàng và kế hoạch sản xuất đề ra.
- Kiểm soát quá trình sản xuất: Kiểm soát chất lượng sản phẩm đảm bảo chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng đúng tiến độ theo kế hoạch. Lập ngân sách và định mức sử dụng hàng tháng về chi phí, nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất. Kiểm soát quy trình tác nghiệp để đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt mục tiêu.
- Thống kê, đánh giá, cải tiến quy trình sản xuất: Cập nhật số liệu thống kê, đánh giá kết quả sản xuất hàng ngày và đưa ra kế hoạch cải thiện để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm các lãng phí trong sản xuất. Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc việc định hướng và dự báo sản xuất.

❖ **Phòng Công nghệ và Nghiên cứu phát triển (QA-R&D)**

- Thỏa mãn yêu cầu của thị trường và khách hàng: Tìm hiểu thông tin về yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm; hướng dẫn khách hàng sử dụng sản phẩm hiệu quả; cung cấp sản phẩm mẫu cho khách hàng.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm: Thu thập thông tin chất lượng sản phẩm cùng loại trên thị trường. Tận dụng dữ liệu từ QC, phân tích các bất cập tiềm ẩn đối với chất lượng sản phẩm.
- Giải quyết khiếu nại: Trong trường hợp phát sinh khiếu nại từ khách hàng sẽ phân tích nguyên nhân, phối hợp đơn vị liên quan giải quyết khiếu nại, theo dõi kết quả cải thiện sau khiếu nại.
- Phát triển sản phẩm mới: Phối hợp với kinh doanh và thông tin từ khách hàng, phát triển các sản phẩm có tính năng mới so với sản phẩm hiện hữu của Công ty dựa trên sự am hiểu đặc tính thiết bị của công ty và tính khả thi sản xuất sản phẩm mới.

❖ Phòng Nhân sự

- Nghiên cứu và hoạch định phát triển nguồn nhân lực: Thiết lập điều chỉnh cơ cấu tổ chức nhân sự cấp Công ty và cấp phòng theo mục tiêu phát triển của Công ty. Xây dựng mục tiêu, chính sách và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực. Quản lý nguồn lao động và quan hệ nhân sự.
- Tuyển dụng, đào tạo: Lập kế hoạch tuyển dụng theo kế hoạch và theo yêu cầu sản xuất. Xác định nhu cầu và tổ chức các lớp đào tạo nội bộ và bên ngoài. Đánh giá hiệu quả các chương trình đào tạo.
- Quản lý, thực hiện chế độ, chính sách về lương, thưởng, phúc lợi, trợ cấp: Xây dựng quy chế thu nhập phù hợp với mô hình hoạt động kinh doanh của các đơn vị. Xây dựng hệ thống tiền thưởng và các phúc lợi khác.

❖ Phòng Kế toán tài chính

- Kiến tạo nguồn lực tài chính cho sự nghiệp kinh doanh của Công ty. Cung cấp các thông tin tài chính kế toán chính xác, kịp thời và hữu ích phục vụ công tác quản trị và điều hành cho Ban lãnh đạo Công ty.
- Hoàn thiện và phát triển công cụ quản lý, kiểm soát nguồn thu – chi, kiểm soát vật tư, tài sản; Kiểm soát chi phí, phản ánh kết quả kinh doanh, phân tích và đưa ra định hướng đầu tư, chính sách kinh doanh nhằm đạt hiệu quả tối ưu nhất cũng như giảm thiểu rủi ro cho Công ty.
- Bộ phận Tài chính thực hiện một phần chức năng kiểm soát nội bộ:
 - + Kiểm soát về tài chính: Thông qua việc thiết lập các thủ tục kiểm toán nhằm ngăn ngừa các rủi ro về tình hình tài chính và đảm bảo các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.
 - + Tham mưu cho Ban Lãnh đạo: Xác định rủi ro và khuyến nghị giải pháp hạn chế, triệt tiêu rủi ro.

❖ Phòng Công nghệ thông tin

- Quản lý hạ tầng thông tin và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch ngắn, trung và dài hạn về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch của Công ty.

- Đảm bảo kỹ thuật, an toàn thông tin cho các hoạt động công nghệ thông tin của Công ty.
- ❖ **Phòng Tổng vụ**
 - Giữ gìn kỷ luật theo nội quy và các quy định khác của Công ty.
 - Bảo vệ tài sản công ty thông qua công tác cơ sở hạ tầng, quản lý con người và tài sản ra vào cổng Công ty.
 - Thực hiện công tác hậu cần thông qua các hoạt động cung cấp xe đưa rước cán bộ nhân viên, suất ăn giữa ca, chăm sóc sức khỏe, nhà trọ, đồng phục, đồ bảo hộ lao động.
 - Thực hiện công tác quản trị, hành chính, pháp chế: lễ tân, tổ chức sự kiện nội bộ, cập nhật giấy phép kinh doanh, trung tâm lưu trữ.
 - Công tác bảo vệ, an ninh trật tự, bảo hộ lao động, Phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.
 - Bộ phận ISO thực hiện một phần chức năng kiểm soát nội bộ đối với các vấn đề về hoạt động: kiểm soát việc thực thi các quy trình chức năng, nhiệm vụ các phòng ban theo chiều dọc, quy trình nghiệp vụ theo chiều ngang.
- ❖ **Phòng Cung ứng**
 - Quản lý hàng hóa, kho bãi.
 - Quản lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác sổ sách, số liệu, chứng từ liên quan đến hàng hóa, vật tư, linh kiện, nguyên phụ liệu.
 - Thực hiện tác nghiệp nhập xuất kho hàng hóa, vật tư, linh kiện, nguyên phụ liệu đúng tiêu chuẩn yêu cầu, đúng tiến độ, đúng chứng từ và trình tự tác nghiệp qui định.
 - Điều động các phương tiện vận chuyển bên ngoài thực hiện giao hàng theo tiến độ và yêu cầu của khách hàng.
 - Bảo quản hàng hóa theo quy định tiêu chuẩn đối với từng mặt hàng. Chịu trách nhiệm sắp xếp hàng hóa bảo đảm dễ quản lý và dễ xuất nhập theo nguyên tắc quy định.
 - Giao nhận hàng hóa đáp ứng nhu cầu sản xuất.
 - Phối hợp theo dõi lịch xuất, nhập hàng để sắp xếp bố trí và thực hiện công việc hiệu quả.
 - Lập các thủ tục chứng từ liên quan đến việc giao nhận hàng hóa và chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp lệ của các chứng từ.
 - Thực hiện việc giao nhận hàng hóa và bảo quản hàng hóa trong quá trình giao nhận vận chuyển đảm bảo đúng tiến độ yêu cầu đáp ứng kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- 4. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/06/2018**
- 4.1. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan**

TT	Tên cổ đông	Mối quan hệ với CBL	Địa chỉ	Số CMND/GDKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Tur Ván Đầu Tư Hương Việt		B6 Khu nhà 321, Đào Duy Anh, P.9, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM	0309139688	12.083.414	20,16%
<i>Người có liên quan</i>						
	Võ Quang Long	Tổng giám đốc	75/79 Đường 48 – Thủ Đức – TPHCM	024937902		
	Cao Quế Lâm	Chủ tịch HĐQT	Số 75 – Ngách 160/68 Hồng Liên – Thanh Xuân – Hà Nội	038069000037		
	Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên HĐQT	P705-17T2 Chung cư Hapulico số 1 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội	001179008686		
	Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên HĐQT	204 Tân Mai – Hoàng Mai – Hà Nội	014550624		
	Phạm Đức Duy	Kế toán trưởng/ GD tài chính	154/39B Trần Khắc Chân – Quận Phú Nhuận - TPHCM	023442906		
	Cty CP Chứng Khoán Quốc Tế	Công ty con	59 Quang Trung – Hà Nội	40/GPDC-UBCK		
	Cty CP PT HT KCN Tây Ninh	Công ty con	Đường số 12 KCN Trảng Bàng Tây Ninh	3900249517		
2	Đặng Triệu Hòa		Số 51 (A30) Đường Bàu Cát, Quận Tân Bình, TP.HCM	023323686	8.332.793	13,90%
<i>Người có liên quan</i>						

TT	Tên cổ đông	Mối quan hệ với CDL	Địa chỉ	Số CMND/ GĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
	Đặng Kim Hoa	Bố	Số 51 (A30) Đường Bàu Cát, Quận Tân Bình, Tp HCM	023323684		
	Triệu Hung Moi	Mẹ	Số 51 (A30) Đường Bàu Cát, Quận Tân Bình, Tp HCM	023323685		
	Trịnh Phụng Mỹ	Vợ	Số 51 (A30) Đường Bàu Cát, Quận Tân Bình, Tp HCM	022403405		
	Đặng Gia Hân	Con	Số 51 (A30) Đường Bàu Cát, Quận Tân Bình, Tp HCM	Học sinh		
	Đặng Gia Doanh	Con	Số 51 (A30) Đường Bàu Cát, Quận Tân Bình, Tp HCM	Học sinh		
	Đặng Gia Huệ	Con	Số 51 (A30) Đường Bàu Cát, Quận Tân Bình, Tp HCM	Học sinh		
	Đặng Mỹ Linh	Em gái	65/39 Phú Thọ, P1, Quận 11, TP.HCM	023323687	5.112.168	8,53%
	Đặng Hường Cường	Em trai	65/39 Phú Thọ, P1, Quận 11, TP.HCM	023323688	5.112.168	8,53%
3	Đặng Mỹ Linh		65/39 Phú Thọ, P1, Quận 11, TP.HCM	023323687	5.112.168	8,53%
<i>Người có liên quan</i>						

TT	Tên cổ đông	Mối quan hệ với CDL	Địa chỉ	Số CMND/GBKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
	Công ty CP TM & ĐT Liên An	TGD	102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Q. Tân Bình	0302296000		
	Công ty TNHH MTV PT BĐS Khải Tiến	TGD	102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Q. Tân Bình	0311229829		
	Đặng Kim Hoa	Bố	Số 51 (A30) Đường Bàu Cát, Quận Tân Bình, Tp HCM	023323684		
	Triệu Hưng Moi	Mẹ	Số 51 (A30) Đường Bàu Cát, Quận Tân Bình, Tp HCM	023323685		
	Hứa Vĩ Hòa	Chồng	65/39 Phú Thọ, P1, Quận 11, TP.HCM	024607271		
	Đặng Thừa Hiến	Con	65/39 Phú Thọ, P1, Quận 11, TP.HCM	Học sinh		
	Đặng Thừa Khánh	Con	65/39 Phú Thọ, P1, Quận 11, TP.HCM	Học sinh		
	Đặng Triệu Hòa	Anh trai	Số 51 (A30) Đường Bàu Cát, Quận Tân Bình, Tp HCM	023323686	8.332.793	13,90%
	Đặng Hương Cường	Em trai	65/39 Phú Thọ, P1, Quận 11, TP.HCM	023323688	5.112.168	8,53%
4	Đặng Hương Cường		65/39 Phú Thọ, P1, Quận 11, TP.HCM	023323688	5.112.168	8,53%
	<i>Người có liên quan</i>					

TT	Tên cổ đông	Mối quan hệ với CBL	Địa chỉ	Số CMND/ GDKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
	Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Giám đốc	75 Bàu Cát, P.14, Q. Tân Bình	4102019478		
	Đặng Kim Hoa	Bố	A 30 Khu Gia Cư Bàu Cát, Quận Tân Bình, Tp HCM	023323684		
	Triệu Hưng Mòi	Mẹ	A 30 Khu Gia Cư Bàu Cát, Quận Tân Bình, Tp HCM	023323685		
	Dang Vicky	Vợ	Hoa Kỳ	0530456694		
	Dang Tiffany	Con	Hoa Kỳ			
	Dang Christina	Con	Hoa Kỳ			
	Đặng Bryan	Con	Hoa Kỳ			
	Đặng Triệu Hòa	Anh trai	A 30 Khu Gia Cư Bàu Cát, Quận Tân Bình, Tp HCM	023323686	8.332.793	13,9%
	Đặng Mỹ Linh	Chị gái	65/39 Phú Thọ, P1, Quận 11, TP.HCM	023323687	5.112.168	8,5%

Nguồn: Danh sách cổ đông tính đến thời điểm 15/06/2018

4.2. Cổ đông sáng lập

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình. Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 11/04/2005. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	SL cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	423	54.235.019	542.350.190.000	90,48%
	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-

STT	Loại cổ đông	SL cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
	Cổ đông tổ chức	19	13.457.566	134.575.660.000	22,45%
	Cổ đông cá nhân	404	40.777.453	407.774.530.000	68,03%
II	Cổ đông nước ngoài	43	5.702.779	57.027.790.000	9,52%
	Cổ đông tổ chức	23	5.314.770	53.147.700.000	8,87%
	Cổ đông cá nhân	20	388.009	3.880.090.000	0,65%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	466	59.937.798	599.377.980.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông tính đến thời điểm 15/06/2018

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với STK.

❖ **Công ty con**

Công ty TNHH MTV Sợi Dệt Nhuộm Unitex

- Giấy chứng nhận ĐKĐT số: 45203300336 do Ban Quản Lý Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp
- Địa chỉ: Lô A17.1 đường C1, KCN Thành Thành Công, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
- Số tiền đầu tư: 80.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu: 100%
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất xơ, sợi dệt nhân tạo

❖ **Công ty liên kết**

Công ty Cổ phần E.Dye Việt Nam

- Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0314352362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp
- Địa chỉ: 102 – 204 – 106 Bàu Cát, phường 14, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Số tiền đầu tư: 27.050.400.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 36%
- Hoạt động kinh doanh chính: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn, phân phối bán lẻ hàng hóa.



6. Quá trình tăng vốn của Công ty

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Thời gian thực hiện	Đối tượng phát hành	Vốn tăng	Vốn điều lệ sau phát hành	Cơ quan cấp phép
1	05/2005	- Cổ phần hóa: VDL ban đầu	-	50.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
2	05/2007	- Cổ đông sáng lập - Người lao động	15.000.000	65.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
3	09/2007	- Cổ đông hiện hữu - Đối tác chiến lược	26.500.000	91.500.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
4	01/2008	- Đối tác chiến lược	8.500.000	100.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
5	12/2008	- Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu thương tỷ lệ: 12%)	12.000.000	112.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
6	11/2009	- Cổ đông hiện hữu (phát hành thêm tỷ lệ: 25%)	28.000.000	140.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
7	01/2010	- Đối tác chiến lược (phát hành riêng lẻ)	40.000.000	180.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
8	09/2010	- Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu thương tỷ lệ: 10%)	17.326.400	197.326.400	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM
9	07/2011	- Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%) - Người lao động (ESOP 2010)	32.561.940	229.888.340	UBCKNN (Theo thông báo đã đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBCKNN ngày 06/04/2011 và ngày 07/06/2011)
10	05/2012	- Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 20%)	45.026.570	274.914.910	UBCKNN (Theo công văn số 1236/UBCK-QLPH ngày 20/04/2012)



STT	Thời gian thực hiện	Đối tượng phát hành	Vốn tăng	Vốn điều lệ sau phát hành	Cơ quan cấp phép
11	06/2013	- Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 15%)	40.510.930	315.425.840	UBCKNN (Theo công văn số 2024/UBCK-QLPH ngày 22/05/2013)
12	06/2014	- Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 15%) (- cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%)	77.627.520	393.053.360	UBCKNN (Theo công văn số 1883/UBCK-QLPH ngày 08/05/2014)
13	12/2014	- Đấu giá ra công chúng (*)	30.000.000	423.053.360	UBCKNN (Theo Giấy chứng nhận số 92/GCN-UBCK ngày 31/10/2014)
14	12/2015	- Cổ đông hiện hữu (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 10%)	42.304.990	465.358.350	UBCKNN (Theo công văn số 6512/UBCK-QLPH ngày 15/10/2015)
15	06/2016	- Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 10%) (cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ: 5%)	69.801.890	535.160.240	UBCKNN (Theo công văn số 2602/UBCK-QLCB ngày 17/05/2016)
16	09/2017	- Cổ đông hiện hữu (cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ: 12%)	64.217.740	599.377.980	UBCKNN (Theo công văn số 4401/UBCK-QLCB ngày 29/06/2017)

(*) Ý kiến của tổ chức kiểm toán về tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán này như sau:

Mục đích sử dụng vốn là huy động thêm nguồn vốn đầu tư nhà máy mở rộng sản xuất sợi POY và DTY tại Chi nhánh Tràng Bằng – giai đoạn 3 phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04-2014/NQ-ĐHĐCĐ/TK ngày 26 tháng 03 năm 2014, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 19-2014/NQHĐQT ngày 24/12/2014 và hồ sơ tăng vốn có liên quan.

Tiến độ sử dụng vốn hiện tại:

Vào ngày 08 tháng 12 năm 2015, Công ty đã sử dụng hết số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Ngoài ra, Công ty báo cáo việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trên cho các mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt của đợt phát hành như sau:

Số thứ tự	Nội dung	Số tiền (VND)
A	Vốn thu được từ việc phát hành chào bán cổ phiếu	72.372.060.000
B	Chi phí phát hành cổ phiếu	2.345.155.530
C	Vốn thuần từ việc phát hành chào bán cổ phiếu	70.026.904.470
	Vốn đã sử dụng trong kỳ cho các mục đích:	
1	Nhà xưởng và máy móc thiết bị	48.872.875.622
2	Hệ thống điện	21.681.375.055
D	Lũy kế số vốn đã sử dụng trong kỳ (1+2)	70.554.250.677
E	Số vốn đã sử dụng vượt cuối kỳ (C+D)	(527.346.207)

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản phẩm chính của công ty

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sợi tổng hợp và dệt kim. Sản phẩm chính của công ty là Sợi filament (sợi dài) chất lượng cao: bao gồm sợi DTY (sợi dún) và sợi FDY (sợi định hướng toàn phần). Trong đó:



- Sợi dún, 100% polyester, trắng, bóng mờ

A: 1PLY (Sợi Đơn)

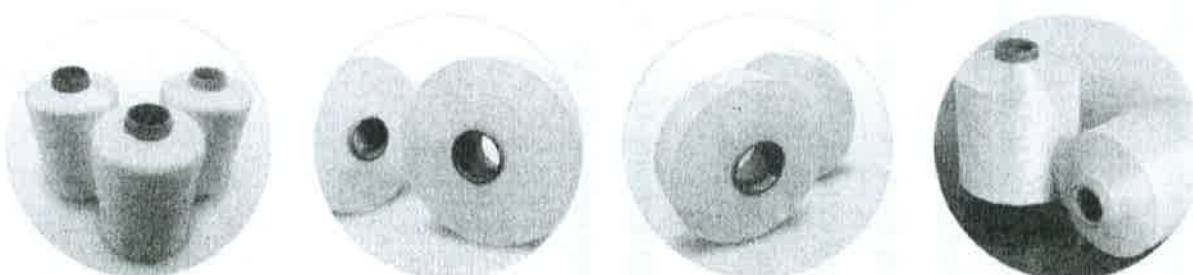
B: 2 PLY, 04 PLY (Sợi Chập 2, chập 4)

C: Sợi tái chế

D: Sợi CD (sợi nhuộm bằng phương pháp cation)

E: Sợi Nhuộm

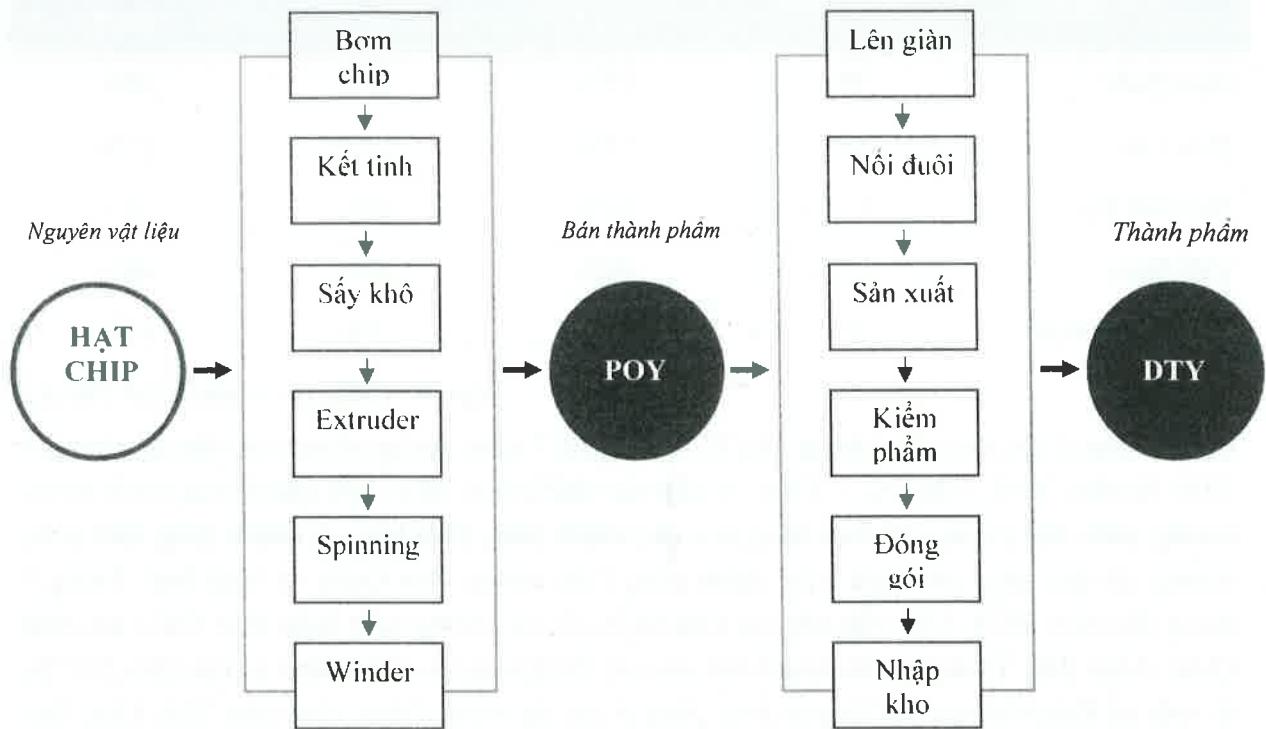
- Sợi thẳng, 100% polyester, sợi trắng, bóng mờ



❖ Sản phẩm phát triển chủ đạo trong năm 2018

- Sợi nhanh khô;
- Sợi chống tia cực tím;
- Sợi rỗng;
- Sợi nhuộm;
- Sợi co giãn cao;
- Sợi chập spandex.

❖ Quy trình sản xuất sợi tại STK



Nguồn: Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

7.2. Sản lượng sản phẩm tiêu thụ qua các năm

▪ Sản lượng sản phẩm tiêu thụ qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		09 tháng năm 2018
	Thực hiện	% tăng giảm	Thực hiện	% tăng giảm	Thực hiện	% tăng giảm	
Sản lượng sợi (tấn)	26.885	68%	41.217	53,3%	53.939	30,9%	41.090
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.035	59%	1.358	31,3%	1.989	46,5%	1.781
Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	187,2	(12%)	128,7	(31,2%)	216,6	68,2%	254,2

Nguồn: Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ

▪ Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận năm 2015, 2016, 2017

✓ Cơ cấu doanh thu theo thị trường

Đơn vị tính: %/ Doanh thu thuần

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	09 tháng năm 2018
Nhật Bản	0%	0%	11%	18%

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	09 tháng năm 2018
Hàn Quốc	2%	12%	12%	6%
Thái Lan	26%	12%	12%	15%
Thổ Nhĩ Kỳ	33%	16%	0%	0%
Việt Nam	32%	43%	62%	48%
Thị trường khác	7%	17%	3%	13%

Nguồn: Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỷ

Cơ cấu doanh thu theo thị trường của STK năm 2017 nhìn chung có sự thay đổi so với năm 2015 và năm 2016. Năm 2017, Công ty tiếp tục chiến lược phát triển khách hàng mới và thị trường mới, đẩy mạnh việc bán hàng cho các khách hàng hiện hữu và khách hàng mới ở thị trường nội địa, cũng như phát triển thành công 2 thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản. Trong 9 tháng đầu năm 2018, STK vẫn tiếp tục phát triển các thị trường xuất khẩu như Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản. Tỷ trọng trên doanh thu của các thị trường có chênh lệch so với năm 2017 là do một số khách hàng của Công ty hoạt động ở các thị trường khác nhau như Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, do đó tỷ trọng các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan có thể thay đổi tùy theo việc khách hàng quyết định nhận hàng ở thị trường nào.

✓ **Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm**

Đơn vị tính: %/ Doanh thu thuần

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	9 tháng năm 2018
DTY	91%	90,3%	85,3%	78%
FDY	9%	7%	8,5%	9%
Sợi tái chế	0%	2,7%	6,2%	13%

Nguồn: Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỷ

Tỷ trọng doanh thu sợi DTY năm 2017 của STK có giảm nhẹ từ 90,3% xuống 85,3%, tuy nhiên đây vẫn là sản phẩm chính mang lại nguồn thu cho Công ty. Còn lại sợi FDY chiếm khoảng 8,5% doanh thu. Riêng tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu vẫn còn thấp và chưa đạt mục tiêu 12% đặt ra vào cuối năm 2016. Tuy nhiên, tỷ trọng này đã tăng lên so với năm 2016 từ 2,7% lên 6,2%. Đây là tín hiệu đáng mừng nhưng cũng là thách thức khá lớn đòi hỏi nhiều thời gian và nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty. Trước tình hình đó, Ban Điều hành đã đẩy mạnh các chiến lược mới vào đầu năm 2018 như hợp tác với đối tác nước ngoài, tái cơ cấu sản xuất, phân bổ các nguồn lực... để đưa tỷ trọng sợi tái chế tiến gần với tỷ trọng mục tiêu.

Do năm 2018, STK chủ trương tập trung chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng chất lượng cao hơn nhằm cải thiện biên lợi nhuận, nên tỷ trọng sợi tái chế trên doanh thu trong 9

tháng đầu năm 2018 cũng đạt 13%, dự kiến STK đạt mục tiêu trong năm 2018 tỷ lệ sợi tái chế trên doanh thu là 14%.

✓ **Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm**

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	09 tháng năm 2018
DTY	96%	96%	78%	67%
FDY	4%	4%	9%	6%
Sợi tái chế	0%	0%	13%	27%

Nhìn chung, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của Sợi Thế Kỷ đạt được mục tiêu đề ra nhờ vào những yếu tố tích cực từ bối cảnh kinh doanh và những nỗ lực khắc phục khó khăn và cải tiến chính sách về sản xuất, hành chính, nhân sự. Cụ thể như sau:

- Nhu cầu dệt may, sợi toàn cầu hồi phục so với năm 2016 và việc dịch chuyển đơn hàng dệt may tới Việt Nam nhờ vào các hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký với các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản... Các dự án đầu tư dệt-nhuộm FDI vào Việt Nam đi vào hoạt động để đón đầu các hiệp định thương mại như EVFTA, CPTPP,... Các doanh nghiệp FDI ngành dệt may cũng đầu tư thêm trong năm 2017: như Worldon đầu tư thêm 310 triệu USD, Gain Lucky tăng thêm 87 triệu USD...
- Năm 2017, tiếp tục chiến lược phát triển khách hàng mới và thị trường mới, STK đã đẩy mạnh việc bán hàng cho các khách hàng hiện hữu và khách hàng mới ở thị trường nội địa, cũng như phát triển thành công 2 thị trường mới là Hàn Quốc và Nhật Bản. Cụ thể doanh số ở thị trường nội địa tăng 30%, thị trường Hàn Quốc tăng 91% và thị trường Nhật Bản và Thái Lan tăng 39%. Cơ cấu doanh thu theo thị trường do đó đã thay đổi đáng kể.
- Bên cạnh các sản phẩm truyền thống, Công ty cũng thành công trong việc tung ra sợi tái chế - đây là một trong những dòng sản phẩm mới thân thiện với môi trường mà Công ty dự tính phát triển trong những năm tới. Tỷ trọng sản phẩm tái chế trong tổng doanh thu đã tăng từ 2,7% (2016) lên 6,2% (2017).
- Nhờ vậy, doanh số tăng 30% và Công ty đã khai thác hết được công suất của dự án Tráng Bàng 4 (đưa vào hoạt động cuối năm 2016) với hệ số khai thác công suất toàn Công ty đạt 91,13%.
- Do nhu cầu của thị trường dệt may nói chung và thị trường sợi polyester filament nói riêng đã phục hồi nên giá bán bình quân trong năm 2017 của STK đã tăng 12% so với năm 2016. Nhờ vậy doanh thu 2017 đã tăng hơn 46% so với năm 2016.

7.3. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh cung cấp dịch vụ của tổ chức phát hành

- Dự án Tráng Bàng 4 chính thức đi vào hoạt động vào Quý 2/2017, nâng tổng công suất sản xuất lên 60.000 tấn/năm, trong đó DTY 51.500 tấn/năm và FDY 8.500 tấn/năm.

- Dự án sản xuất sợi màu hợp tác với E.DYE Limited (quốc tịch Hồng Kông) đã hoàn tất về mặt giấy phép vào Quý 1/2018. Đây là dự án hợp tác với E.DYE Limited (là công ty con của một tập đoàn đa quốc gia cung ứng chính cho các thương hiệu thể thao lớn trên thế giới) để thành lập Công ty liên doanh: CTCP E.DYE Việt Nam (“e.Dye Việt Nam”) và sau đó thành lập các Hợp đồng Hợp tác kinh doanh giữa STK và e.Dye Vietnam với vốn đầu tư: 10 triệu USD. Dự án này được xây dựng trên ưu thế có sẵn về mặt công nghệ và quản lý kỹ thuật của STK. Mục tiêu của dự án:
 - + Phát huy hiệu quả gia tăng của STK;
 - + Đáp ứng yêu cầu của các thương hiệu lớn trên thị trường quốc tế;
 - + Giảm ô nhiễm môi trường;
 - + Giảm nước sử dụng.
- Dự án hợp tác với Unifi về sản xuất sợi tái chế đã được ký kết vào tháng 01-2017.
- Về việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty TNHH MTV Sợi, Dệt Nhuộm Unitex, qua đó làm tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Unitex từ 49,99% lên 100% và biến Unitex trở thành Công ty con của CTCP Sợi Thể Kỹ hoàn toàn tuân thủ qui định của Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành. Tổng giá trị chuyển nhượng: 40 tỷ VND.

7.4. Hoạt động Marketing

7.4.1. Quảng bá sản phẩm

Xây dựng thương hiệu và quảng bá hình ảnh doanh nghiệp ra công chúng được xem là một nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp trên thương trường. Với bề dày hoạt động hơn 18 năm, các sản phẩm mang thương hiệu “Century” đã chiếm lĩnh được lòng tin và sự tín nhiệm từ khách hàng. Sợi Thể Kỹ định vị phân khúc thị trường sợi DTY, FDY trung cao, do vậy Công ty tập trung vào các khách hàng có yêu cầu chất lượng cao, các khách hàng cung cấp sản phẩm cho những thương hiệu quốc tế. Bên cạnh đó, theo xu hướng sử dụng các loại sợi tái chế trong dệt may, Công ty cũng dần nâng cao tỷ trọng mặt hàng này trong hoạt động sản xuất và kinh doanh. Từng đối tượng khách hàng Công ty có cách tiếp cận thích hợp:

- Thiết lập mối quan hệ với các văn phòng đại diện của các thương hiệu quốc tế để biết kế hoạch đặt hàng từng mùa vụ.
- Phát triển mạng lưới khách hàng trong khối ASEAN, khối CPTPP và những khách hàng có đầu ra sản phẩm tiêu thụ tại thị trường Châu Âu, Mỹ.
- Duy trì mạng lưới khách hàng hiện hữu, khai thác thêm khách hàng từ các nước Thái Lan, Đài Loan, Hàn Quốc, doanh nghiệp FDI hiện hữu và doanh nghiệp FDI mới theo xu thế dịch chuyển công xưởng sản xuất từ Trung Quốc vào Việt Nam.
- Khách hàng chủ yếu và tiềm năng của Công ty trong thời gian tới là các nhà sản xuất dệt may trong nước, các doanh nghiệp FDI có nhà máy tại Việt Nam nhằm tận dụng ưu thế hội nhập. Ngoài ra STK cũng sẽ tiếp tục mở rộng tìm kiếm nguồn khách hàng là các nhà sản xuất dệt may ở nước ngoài.

- Phòng Công nghệ và Phát triển thị trường của Công ty phối hợp với Phòng Kinh doanh để cung cấp dịch vụ tiền mại (before sales) và hậu mại (after sales) cho khách hàng thông qua trao đổi với khách hàng (các nhà sản xuất vải) để nắm rõ sản phẩm cuối cùng, đặc thù công nghệ, máy móc thiết bị để tư vấn cho khách hàng. Từ đó Phòng sản xuất, Phòng kỹ thuật của Công ty sẽ dựa vào nhu cầu đặc thù của khách hàng để đáp ứng sản phẩm phù hợp.

Công ty cam kết mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm tốt, hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ, mang đến cho mọi khách hàng sự hài lòng cao nhất. Đây chính là mục tiêu giá trị mà Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ luôn mong muốn làm tốt hơn nữa.

7.5. *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*

7.5.1. *Logo Công ty.*



CTCP Sợi Thế Kỹ đã đăng ký và được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa có hiệu lực từ năm 2002 đến năm 2021.

Ngoài ra, Công ty cũng đã đăng ký và được Cục Sở hữu Trí tuệ Thế giới (World Intellectual Property Organization – WIPO) cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa có hiệu lực từ năm 2010 đến năm 2020.

7.5.2. *Các sản phẩm, dịch vụ đăng ký nhãn hiệu thương mại, phát minh sáng chế và bản quyền.*

Không có.

7.6. *Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:*

STT	Hợp đồng	Đối tác	Quốc gia	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Thời hạn hiệu lực
1	TKY-180312/EX-1	YRC	Thái Lan	DTY	42,73	03/2018 đến 6/2018
2	TKY-180405/EX-1	NAM PHƯƠNG	Việt Nam	DTY	34,70	03/2018 đến 06/2018
3	TKY-180510/EX-3	JATEC	Nhật Bản	DTY	29,27	04/2018 đến 05/2018
4	TKY-180228/EX-1	CHORI	Nhật Bản	DTY/ FDY	24,54	11/2017 đến 03/2018

STT	Hợp đồng	Đối tác	Quốc gia	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Thời hạn hiệu lực
5	0293/HĐMB-2018	GAIN LUCKY	Việt Nam	DTY	17,99	02/2018 đến 04/2018
6	01335/HĐM B-2017	SOLSANG	Hàn Quốc	DTY	9,61	02/2017 đến 04/2017
7	TKY-171120/EX-3	THANH CONG	Việt Nam	DTY	9,50	05/2018 đến 08/2018
8	TKY-170227/EX-1	TEE ENRICH	Việt Nam	DTY	8,84	10/2017 đến 11/2017
9	0488/HĐMB-2018	KHANG VIỆT	Việt Nam	DTY/FDY	7,42	10/2017 đến 11/2017
10	1422/HĐMB-2017	TREASURE	Đài Loan	DTY/FDY	4,46	05/2018 đến 06/2018

Nguồn: CTCP Sợi Thế Kỷ

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2 năm gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tăng/giảm so với 2016	9 tháng đầu năm 2018
1	Tổng giá trị tài sản	2.024.553	1.978.562	(2,27%)	2.279.240
2	Tài sản cố định	1.349.914	1.207.761	(10,53%)	1.099.311
3	Doanh thu thuần	1.358.285	1.989.053	46,44%	1.780.887
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	29.418	104.429	254,98%	147.371
5	Lợi nhuận khác	1.251	572	(54,28%)	911
6	Lợi nhuận trước thuế	30.668	105.001	242,38%	148.283
7	Lợi nhuận sau thuế	28.599	99.616	248,32%	131.384
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ (%)	15%	15%	-	N/A

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, BCTC hợp nhất Quý III/2018 của CTCP Sợi Thế Kỷ

Khắc phục được những khó khăn trong năm 2016, Ban điều hành cùng với đội ngũ nhân viên đã quyết tâm và hợp lực để đạt được mức tăng trưởng vượt trội hơn năm 2016 thông qua việc phát triển các thị trường mới (như Hàn Quốc, Nhật Bản), khách hàng mới và sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, khai thác tối đa công suất của tất cả các nhà máy và hạ giá thành sản xuất. Có thể nói, Công ty đã lấy lại được đà tăng của mình sau năm 2016.

Kết thúc năm 2017, tổng tài sản của STK là hơn 1.978 tỷ đồng, giảm 2,27% so với năm 2016 do tiền và tương đương tiền tăng từ 86,6 tỷ lên 116,6 tỷ nhưng nợ phải thu giảm và tài sản cố định giảm (do khấu hao tài sản). Doanh thu thuần năm 2017 đạt 1.989 tỷ đồng, tăng 46,44% so với năm trước và lợi nhuận sau thuế là 99,6 tỷ đồng, tăng mạnh 248,32%.

9 tháng đầu năm 2018, do giá bán và thị trường thuận lợi hơn cùng kỳ năm 2017, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.781 tỷ đồng, tăng 24,43% so với cùng kỳ năm 2017, và bằng xấp xỉ 89,53% doanh thu thuần cả năm 2017. Đồng thời, giá bán tăng 20% làm cho lợi nhuận gộp (hợp nhất) của Công ty trong 9 tháng đầu năm 2018 tăng tới 70,47% so với cùng kỳ năm trước. Nhờ đó, dù lỗ tỷ giá tăng cao so với cùng kỳ nhưng lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty tăng mạnh, lợi nhuận sau thuế trong 9 tháng đầu năm nay là 131,4 tỷ đồng, bằng 131,89% lợi nhuận năm 2017, đạt 104,4% kế hoạch lợi nhuận cả năm 2018.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Thuận lợi

Công ty có tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi và chiến lược rõ ràng, các cơ sở vật chất hiện đại với công nghệ và máy móc tiên tiến nhất trên thế giới do công ty Oerlikon Barmag (của Đức) cung cấp; Công ty ứng dụng các công nghệ thông tin hiện đại như SAP-All-in-One và hệ thống điều khiển trung tâm POC vào quy trình sản xuất, góp phần làm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.

Công ty có đội ngũ lao động lành nghề và trung thành. Hệ thống quản trị hiện đại và văn hóa doanh nghiệp lành mạnh.

Thương hiệu STK nổi tiếng trên thị trường nội địa và quốc tế, có quan hệ tốt với nhà cung cấp, mạng lưới khách hàng đa dạng, dịch vụ tốt đáp ứng những yêu cầu của khách hàng cao như Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc và tình hình tài chính lành mạnh đảm bảo cho việc phát triển kinh doanh bền vững.

Dệt May Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng nhờ đơn hàng chuyển dịch từ Trung Quốc vì chi phí sản xuất của Trung Quốc hiện tại không còn thấp và thuận lợi như những năm trước. Các hiệp định thương mại song phương và đa phương thúc đẩy vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam để tận dụng ưu đãi về thuế quan. Nhu cầu sản phẩm dệt may vẫn giữ đà tăng trưởng bền vững 3% trên toàn cầu và sản phẩm sợi polyester filament dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng cao nhờ ưu thế tính năng hóa lý và giá cả cạnh tranh.

Giá hàng hóa cơ bản như giá dầu dần phục hồi và xu hướng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường của các thương hiệu thời trang lớn trên thế giới, các nguyên liệu có nhiều tính năng mới như chống tia UV, có độ co giãn cao... là động lực giúp giá bán sản phẩm tăng cao.

Nền kinh tế Việt Nam đã có chuyển biến tích cực và phát triển sau khi Việt Nam ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA). Đây là yếu tố thuận lợi cho ngành dệt may trong nước nói chung và Công ty nói riêng, có cơ hội tiếp cận với các thị trường công nghệ sản xuất sợi, dệt ngoài nước, học hỏi và chuyển giao công nghệ sản xuất hiện đại trong môi trường kinh doanh toàn cầu. Các chính sách của Nhà nước thúc đẩy xuất khẩu ngành dệt may ngày càng được cải thiện cũng là tín hiệu tốt cho sự phát triển của Công ty.

Khó khăn

Năng lực nghiên cứu phát triển của Công ty trong giai đoạn sơ khởi cần được đầu tư nhiều hơn với sự chuyên giao công nghệ của chuyên gia quốc tế; Hệ thống kiểm toán nội bộ đang trong quá trình hình thành nên cần có thời gian để kiểm tra và cải tiến cho phù hợp.

Môi trường pháp lý không ổn định có thể gây ra những rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp (tăng thuế, mất ưu đãi thuế, hoặc tăng chi phí hoạt động); Nguy cơ lạm phát quay trở lại sẽ làm tăng chi phí đầu vào của doanh nghiệp; Tình hình tài chính của Công ty còn phụ thuộc vào chính sách tỷ giá, lãi suất do Công ty vay nợ chủ yếu bằng đồng USD.

Tình trạng cạnh tranh ngày càng gay gắt trong ngành, đặc biệt là từ doanh nghiệp FDI gia nhập vào thị trường Việt Nam bao gồm các doanh nghiệp trong ngành dệt may, sợi... Sự cạnh tranh có thể làm cho các loại chi phí, đặc biệt là chi phí bán hàng và chi phí quản lý Công ty tăng nhanh.

Thiếu hụt nhân sự cấp cao có kinh nghiệm trong hoạt động quản lý sản xuất.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Sau 18 năm kể từ ngày thành lập, Công ty Cổ phần Sợi Thέ Kỹ đã không ngừng nỗ lực, vượt qua những thử thách khó khăn từ các yếu tố bên ngoài đến nội bộ Công ty để nâng cao chất lượng sản phẩm - dịch vụ, phát triển bền vững và nắm bắt cơ hội từ xu thế dệt may toàn cầu và của Việt Nam.

Hiện tại, Công ty là đơn vị đứng đầu về quy mô tổng tài sản và quy mô vốn chủ sở hữu trong nhóm ngành dệt sợi trong nước. Cùng với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (FTM) và Công ty Cổ phần Damsan (ADS), STK là một trong 3 công ty dệt sợi có giá trị vốn hóa lớn nhất đang niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Mặt khác, STK là Công ty sản xuất sợi quy mô lớn, chủ yếu sản xuất nguyên vật liệu dệt may gồm sợi DTY, FDY chất lượng cao và sợi tái chế, do đó, riêng về hoạt động này STK được xem là Công ty dẫn đầu tại thị trường Việt Nam với máy móc công nghệ hiện đại; đội ngũ quản lý năng động và nhiều kinh nghiệm; lực lượng công nhân lành nghề, đội ngũ cán bộ kỹ thuật có năng lực; và tình hình quản trị công ty rất hiệu quả. Ngoài ra, Công ty còn có lợi thế đã tạo dựng được uy tín thương hiệu trên thị trường và có một mạng lưới rộng lớn khách hàng cao cấp. Sản phẩm của Công ty có thể cạnh tranh với sản phẩm cùng loại của các doanh nghiệp sản xuất DTY nước ngoài hàng đầu tại thị trường châu Âu, châu Á. Với những lợi thế và vị thế sẵn có, tiềm năng phát triển của STK trong những năm tới được đánh giá là vững mạnh và ổn định. Công suất và chất lượng của các Công ty sợi ở Việt Nam hiện tại như sau:

Công ty	Công suất	Thị trường mục tiêu	Chiến lược kinh doanh
CTCP Sợi Thế Kỹ	60.000 tấn DTY & FDY	Thị trường trung - cao cấp	Hàng chất lượng cao, giá hợp lý
Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	72.000 tấn DTY & FDY	Thị trường trung - cao cấp	Hàng chất lượng cao, giá hợp lý
Công ty Hualon Corporation Việt Nam	84.000 tấn DTY	Thị trường trung – thấp cấp	Hàng chất lượng thấp, giá thấp
Công ty TNHH Dệt Đông Tiến Hưng	20.400 tấn DTY	Thị trường trung – thấp cấp	Hàng chất lượng thấp, giá thấp
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	28.800 tấn DTY	N/A	N/A

Nguồn: Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ

Các kế hoạch định hướng của Công ty trong thời gian tới

Mở rộng mạng lưới khách hàng, cung cấp sản phẩm đạt chất lượng cho khách hàng để giữ vững thị phần và giảm thiểu rủi ro lệ thuộc vào một số khách hàng lớn. Hợp tác với các đối tác, thành lập các dự án có tính khả thi cao.

Ứng dụng công nghệ sản xuất và quản lý hiện đại như LEAN production, SAP-All in one, KAIZEN... Tăng cường kiểm soát và quản trị rủi ro trong khâu kiểm phẩm và đóng gói sản phẩm.

Nâng cao trình độ và ý thức của đội ngũ quản lý và công nhân sản xuất để tối ưu hóa chất lượng đồng thời góp phần tiết kiệm chi phí. Bộ phận nghiên cứu và phát triển luôn theo sát các xu hướng ở hiện tại và tương lai gần để đề xuất các cải tiến cho doanh nghiệp. Cử chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực tập huấn, nâng cao tay nghề cho đội ngũ sản xuất.

Tiến hành thử nghiệm cho ra sản phẩm mới có chất lượng tốt hơn và tính ứng dụng cao hơn: như các loại sợi co giãn cao, sợi màu, sợi hút ẩm, sợi chập, sợi chống tia UV... Đạt được các chứng chỉ chất lượng để đáp ứng yêu cầu sản xuất và nhu cầu khách hàng. Tỷ trọng mục tiêu sợi Recycle đến năm 2020 là 30% doanh thu bán hàng.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành dệt may Việt Nam

Theo báo cáo thời trang 2018 của McKinsey dự báo rằng, doanh thu bán hàng thời trang toàn cầu sẽ tăng 3,5% đến 4,5% đến năm 2018 với các động lực tăng trưởng đến từ các nước châu Á mới nổi (APAC Emerging) dự báo tăng 6,5%-7,5%, Châu Mỹ Latin tăng 5%-6% và Châu Âu mới nổi tăng 5,5%-6,5% (Europe Emerging) trong đó các mặt hàng thể thao (sportswear) được dự báo có mức tăng trưởng cao nhất là 6%-7%. Ngoài ra, McKinsey còn dự báo rằng Châu Á sẽ chiếm 40% doanh thu quần áo và giày dép của toàn thế giới do những cải tiến mới về công nghệ đến từ Trung Quốc thông qua việc đa dạng hóa phương thức bán hàng (bán hàng thương mại điện tử) khi có 20% người sử dụng internet phụ thuộc hoàn toàn vào phương tiện di động so với tỷ lệ này ở Mỹ chỉ đạt 5%. (Báo cáo thời trang của Mckinsey,

trang 41). Do đó, những quốc gia chuyên cung cấp nguyên liệu như Trung Quốc sẽ dần dần trở thành thị trường tiêu dùng góp phần làm cân bằng cung cầu hàng hóa.

Xu hướng tăng trưởng của thời trang thể thao do người tiêu dùng càng có ý thức chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống và sự tiến bộ của công nghệ mang đến sản phẩm có tính đột phá.

Xu hướng chú trọng đến tiêu dùng xanh và phát triển bền vững trong ngành dệt may toàn cầu. Vì vậy các thương hiệu thời trang luôn tìm kiếm và quan tâm đến các nhà cung cấp đạt tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội (CSR) và công nghệ tái sinh, sản phẩm thân thiện với môi trường.

Xu hướng thời trang nhanh tạo ra những thách thức cũng như cơ hội trong quy trình đặt hàng, giao hàng, khả năng quản lý sản xuất cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Xu hướng ứng dụng tự động hóa – cách mạng 4.0 trong ngành dệt may để tối ưu hóa lợi nhuận và giảm chi phí giá thành sản xuất.

Nhờ ưu thế từ các hiệp định thương mại song phương và đa phương, các đơn hàng dệt may từ Trung Quốc đã và đang chuyển dịch về Việt Nam để tận dụng các ưu đãi về thuế suất từ các hiệp định thương mại. Việt Nam đang trở thành một trong những nhà sản xuất lớn ở Châu Á, cung cấp sản phẩm cho các thương hiệu lớn trong ngành thời trang và thể thao. Hơn nữa, McKinsey Report dự báo rằng ngành thời trang ở nhóm các nước mới nổi APAC sẽ đạt mức tăng trưởng từ 6,5% đến 7,5%, đây là mức tăng trưởng vùng cao nhất trên toàn thế giới.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Xét về năng lực của Doanh nghiệp, Công ty có đủ các điều kiện về quản trị, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm để cạnh tranh với sản phẩm của các công ty cùng ngành hàng đầu trong nước và quốc tế. Hiện tại, sản phẩm của Công ty được xuất khẩu với khoảng hơn 50% tổng sản lượng hàng năm. Ở thị trường quốc tế, sản phẩm của Sợi Thế Kỷ được khách hàng đánh giá cao nhờ chất lượng tốt, ổn định, giá cả cạnh tranh và dịch vụ khách hàng vượt trội. Thương hiệu Century được đánh giá ngang hàng với các công ty hàng đầu trên thị trường như NanYa (Đài Loan), LanFa (Đài Loan), Zig Sheng (Đài Loan), LeaLea (Đài Loan), Far Eastern (Đài Loan), Hengli (Trung Quốc). Tại Việt Nam, nguồn cung về sợi xơ dài đang không đáp ứng đủ nguồn cầu do không có nhiều công ty có thể đáp ứng được các tiêu chuẩn về công nghệ, chất lượng sản phẩm và quản trị để có thể sản xuất dòng sản phẩm này. Vì vậy, đây cũng là một lợi thế cạnh tranh lớn của Sợi Thế Kỷ. Bên cạnh đó, trong tương lai, Công ty có định hướng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh dọc chuỗi cung ứng ngành dệt may theo cả hai chiều lên và xuống. Cụ thể, mở rộng hoạt động sang khâu Dệt – Nhuộm, và hợp tác liên kết xây dựng nhà máy sản xuất Chip Polyester để chủ động nguồn nguyên liệu (nếu tìm được đối tác thích hợp).

Với những lợi thế sẵn có và định hướng kinh doanh mở rộng, Sợi Thế Kỷ dự kiến sẽ tận dụng triệt để những lợi thế mà xu hướng phát triển ngành dệt may Thế giới, chính sách của Nhà Nước Việt Nam đối với ngành dệt may và sự phát triển ngành Dệt may Việt Nam mang lại.

10. Chính sách đối với người lao động

Công ty luôn coi con người là tài sản quý giá nhất, vì ngay từ ngày mới thành lập, Công ty luôn chú trọng xây dựng chính sách thoả đáng cho người lao động. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với thu nhập hấp dẫn, Công ty luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh lành mạnh để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo và năng lực làm việc.

10.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty

Tổng số lao động trong Công ty tính đến 30/06/2018 là 1.076 người với cơ cấu như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động		
	Cấp 2, 3	515	47,86%
	Tốt nghiệp THPT	256	23,79%
	Trung cấp/ Cao đẳng	244	22,68%
	Đại học trở lên	61	5,67%
II	Theo độ tuổi		
	18 – 20 tuổi	87	8,09%
	20 – 25 tuổi	313	29,09%
	26 tuổi trở lên	676	62,82%
III	Theo khối chức năng		
	Sản xuất	854	79,37%
	Văn phòng	222	20,63%
IV	Theo giới tính		
	Nam	879	81,69%
	Nữ	197	18,31%
	Tổng cộng	1.076	100%

Nguồn: CTCP Sợi Thép Kỳ

10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, chế độ phúc lợi

Nhận thức được nguồn nhân lực có vai trò vô cùng quan trọng, STK đã chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên theo phương châm: “Sáng tạo – Cầu tiến – Chuyên nghiệp – Hiệu quả”. Đây luôn là điều mà Ban Giám đốc Công ty ưu tiên và chú trọng hàng đầu.

Chính sách tuyển dụng

Với tiêu chí lấy người lao động làm nền tảng và động lực cho sự phát triển của Công ty, STK luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng đầu vào, đảm bảo đủ năng lực và trình độ phục vụ cho định hướng phát triển của Công ty. Với đặc thù ngành đòi hỏi lao động có trình độ cao, STK chủ trương đưa ra mức lương cạnh tranh nhằm thu hút nguồn lao động có chất lượng

cao, có thâm niên và kinh nghiệm trong nghề nhằm xây dựng đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm, mang lại hiệu quả cao trong công việc.

Chính sách đào tạo

Đầu tư và phát triển con người là một trong những yếu tố cốt lõi của Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của xã hội. STK thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ với các nội dung thiết thực, nhằm ứng dụng tốt trong thực tiễn công việc. Các chương trình đào tạo trong năm thường gồm các chương trình sau:

- Đào tạo và tái đào tạo tay nghề, quy trình kỹ thuật chuyên môn, nghiệp vụ.
- Đào tạo chính sách xã hội, hội nhập, bảo hiểm, chế độ lương thưởng.
- Đào tạo và thực hành PCCC, sơ cấp cứu.
- Đào tạo an toàn lao động định kỳ.
- Đào tạo về cách xử lý sự cố: điện, xử lý lỗi...
- Đào tạo nhận thức về an ninh thông tin.
- Đào tạo cho cấp quản lý cơ sở.

Số giờ đào tạo trong năm 2017: 405 giờ đào tạo. Số lượng học viên tham gia lớn nhất: 911 học viên.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty luôn quan tâm đến chế độ lương, thưởng, phúc lợi cho người lao động nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động, tạo động lực cho sự phát triển của mỗi cá nhân, phấn đấu góp phần vào sự phát triển của Công ty. Hằng năm, người lao động đều thực hiện ký kết vào thỏa ước lao động của Công ty nhằm đảm bảo các chính sách lương thưởng mang tính hợp lý, thỏa đáng cho từng nhân viên.

Công ty ban hành bộ quy tắc ứng xử để chuẩn mực hóa cách ứng xử và góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Đồng thời, tạo điều kiện cho người lao động phát huy năng lực của mình, luôn có giải pháp hợp lý, hài hòa lợi ích của người lao động như chuyên môn hóa vị trí, luân chuyển nội bộ, nâng cấp bậc, tăng lương hằng năm và theo kết quả kinh doanh, có chế độ thu hút và giữ chân những lao động có thời gian gắn bó lâu dài với Công ty.

Bên cạnh đó, tạo tinh thần và động lực cho người lao động làm việc tận tâm, hiệu quả như các chương trình quan tâm đến đời sống người lao động bao gồm tặng quà cho con em CBCNV nhân ngày 01-06, động viên những hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong cuộc sống và công việc.

Quy chế tính lương - thưởng, quy chế phạt - kỷ luật được công bố cụ thể để người lao động có động lực phấn đấu hoàn thành công việc: trong đó phân ra các mức hoàn thành nhiệm vụ, chuyên môn, chuyên cần, nội quy Công ty; chế độ thưởng Tết, thưởng tháng 13... đều được ban hành rõ ràng và hợp lý.

Công ty xây dựng quy trình và mục tiêu rõ ràng cho từng CBCNV nhằm tránh lãng phí thời gian và nguồn lực. Các cấp quản lý có kế hoạch theo dõi, giám sát, chỉ đạo, hướng dẫn nhân viên của mình đạt được mục tiêu của bộ phận, góp phần vào mục tiêu chung của Công ty.

Người lao động thực hiện quyền dân chủ của mình, cho phép người lao động sáng tạo cách thức làm việc trong phạm vi có kiểm soát.

Người lao động tại Sợi Thép Kỹ còn được trợ cấp nơi ở và cơm trưa (đối với ca sáng) cơm tối (đối với ca tối). Công ty không có chính sách tặng ca, tặng giờ làm việc, làm việc ngoài giờ để đảm bảo sức khỏe cho CBCNV.

Công ty còn phát hành cổ phiếu cho người lao động ESOP, gắn kết lợi ích của CBCNV với lợi ích của Công ty (Công ty đã phát hành năm 2011).

Công ty còn ban hành chính sách tố giác, bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không đúng đạo đức; chính sách bảo vệ nhân viên khỏi bị trả đũa vì khiếu nại trong Bộ quy tắc ứng xử của Công ty (ban hành năm 2016).

Phát triển nguồn nhân lực bền vững cũng là một trong những mục tiêu dài hạn của Công ty

Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Công ty luôn tuân thủ các quy định về an toàn lao động trong môi trường làm việc như máy móc thiết bị, linh kiện, hóa chất, sản phẩm, và được cấp chứng nhận bởi các tổ chức có uy tín trong nước và trên thế giới.

Công ty ban hành các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy trên toàn Công ty. Công ty cũng trang bị trang phục bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất: tai nghe chống ồn, yếm, bao tay, giày thể thao...; đồng thời huấn luyện, đào tạo người lao động nhận thức được các rủi ro trong quá trình làm việc.

Công ty ban hành nội quy làm việc trong Công ty như nội quy 5S (Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ, Sẵn sàng, Sẵn sàng); không được hút thuốc, đánh bài, uống rượu bia trong giờ làm việc.

Với phương châm “Phòng ngừa hơn giải quyết vấn đề”, Công ty thành lập bộ phận chuyên môn hóa về môi trường - an toàn lao động, theo dõi, giám sát việc tuân thủ các quy định của người lao động, đồng thời phát hiện kịp thời các sai phạm, tránh rủi ro cho Công ty.

Công ty trang bị phòng y tế và tủ thuốc sơ cấp cứu và, tổ chức khám sức khỏe, bệnh nghề nghiệp cho người lao động định kỳ mỗi năm một lần.

Sự tuân thủ pháp luật của nhân viên.

Mọi cá nhân trong Công ty nghiêm túc tuân thủ quy định của pháp luật lao động, thuế, các nội quy, quy chế, thỏa ước đã được ban hành như: ký hợp đồng lao động, chấp hành tốt nội quy Công ty, tuân thủ mọi quy định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ tổ chức và Hoạt động Công ty, chính sách phân phối cổ tức của Công ty như sau: Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp. Cổ tức được chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông

thông qua việc thanh toán toàn bộ hay từng phần cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực hiện nghị quyết về việc này.

Tỷ lệ chia cổ tức qua từng năm:

Năm	Tỷ lệ cổ tức/Mệnh giá	Hình thức chi trả
2015	15%	5% tiền mặt và 10% cổ phiếu
2016	15%	3% tiền mặt và 12% cổ phiếu
2017	15%	8% tiền mặt và 7% cổ phiếu
2018 (dự kiến)	15%	

Nguồn: CTCP Sợi Thế Kỳ

12. Tình hình tài chính

12.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích, quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty.

12.2. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 – 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
Phần mềm máy vi tính	4 – 5 năm

12.3. Mức lương bình quân

Lương nhân viên bình quân của người lao động trong Công ty trong năm 2017 đối với nhân viên văn phòng là 6.947.033 đồng/tháng/người, đối với công nhân là 7.176.374

đồng/tháng/người. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về bảo hiểm, các khoản lương, thưởng, phụ cấp.

12.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ vay, cũng như nợ của khách hàng.

12.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn nộp đúng và đủ các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp,... theo các quy định của Nhà nước.

12.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số dư các quỹ tại thời điểm cuối năm 2016, 2017 và tại ngày 30/09/2018 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Quỹ đầu tư phát triển	1.219.011.000	1.219.011.000	1.219.011.000
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.441.383.127	1.731.423.800	1.837.421.389
Tổng cộng		2.660.394.127	2.950.434.800	3.056.432.389

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, BCTC hợp nhất Quý III/2018 của CTCP Sợi Thép Kỹ

12.7. Tổng dư nợ vay

Tình hình nợ vay của Công ty tại thời điểm cuối năm 2016, 2017, tại ngày 30/09/2018 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Vay ngắn hạn	390.503.012.476	341.027.532.282	507.185.370.918
2	Vay dài hạn	651.520.236.400	467.173.155.962	423.685.922.285
Tổng cộng		1.042.023.248.876	808.200.688.244	930.871.293.203

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, BCTC hợp nhất Quý III/2018 của CTCP Sợi Thép Kỹ

12.8. Vốn chủ sở hữu

Tình hình vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm cuối năm 2016, 2017, tại ngày 30/09/2018 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
1	Vốn cổ phần	535.160.240.000	599.377.980.000	599.377.980.000

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
2	Thặng dư vốn cổ phần	35.297.435.379	35.297.435.379	35.297.435.379
3	Quỹ đầu tư và phát triển	1.219.011.000	1.219.011.000	1.219.011.000
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	123.431.856.238	142.756.583.621	226.189.917.511
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	94.832.763.121	43.159.309.038	94.806.345.221
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	28.599.093.117	99.597.274.583 (*)	131.383.572.290
	Tổng cộng	695.108.542.617	778.651.010.000	862.084.343.890

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, BCTC hợp nhất Quý III/2018 của CTCP Sợi Thế Kỹ

Lưu ý: (*) Về nguyên nhân số liệu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm 2017 không khớp với số liệu lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2017, Công ty giải thích như sau:

- Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2017 (kiểm toán), lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là **99.615.432.848 đồng**.
- Theo Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 31/12/2017 (kiểm toán), lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay là **99.597.274.583 đồng** với chi tiết hạch toán như sau:
 - Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (1): **99.615.432.848 đồng**
 - Loại trừ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN chưa phân phối năm trước của Unitex (2): **18.158.265 đồng**
 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay (3) = (1) - (2): **99.597.274.583 đồng**
- Nguyên nhân của sự chênh lệch này là do:
 - Vào ngày 20/10/2017, Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ đã mua thêm cổ phần của Công ty cổ phần Unitex (Unitex), làm tăng tỷ lệ sở hữu từ 49,99% lên 100%. Theo đó, Unitex đã trở thành công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ. Do đó, vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ đã lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 với công ty con là Unitex.
 - Theo nguyên tắc hợp nhất khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất bằng chỉ tiêu Lợi nhuận

thuần sau thuế TNDN trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất loại trừ Chỉ tiêu lợi nhuận thuần sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước trên Bảng cân đối kế toán của Unitex (công ty con). Do đó, sau khi loại trừ theo nguyên tắc này, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 31/12/2017 (kiểm toán) là 99.597.274.583 đồng.

13. Tình hình công nợ hiện nay

13.1. Các khoản phải thu của Công ty

Tình hình nợ phải thu tại thời điểm cuối năm 2016, 2017 và tại ngày 30/09/2018 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	84.741.864.840	62.927.402.010	166.947.027.237
1	Phải thu khách hàng	36.719.143.552	56.914.886.934	139.717.220.719
2	Trả trước cho người bán	1.289.186.094	4.592.640.316	25.487.973.364
3	Các khoản phải thu khác	46.576.017.071	1.418.803.381	1.435.245.242
4	Tài sản thiếu chờ xử lý	157.518.123	1.071.379	306.587.912
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
1	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
	Tổng cộng	84.741.864.840	62.927.402.010	166.947.027.237

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, BCTC hợp nhất Quý III/2018 của CTCP Sợi Thế Kỹ

13.2. Các khoản phải trả của Công ty

Tình hình nợ phải trả của Công ty tại thời điểm cuối năm 2016, 2017 và tại ngày 30/09/2018 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I	Nợ ngắn hạn	677.575.039.500	732.355.214.479	993.003.874.776
1	Phải trả cho người bán	251.139.261.848	307.455.221.651	384.736.782.634
2	Người mua trả tiền trước	11.844.476.440	39.684.873.401	43.877.947.773
3	Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	833.892.156	6.186.423.340	20.263.519.481
4	Phải trả cho người lao động	11.319.155.059	23.825.789.965	25.227.874.485

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
5	Chi phí phải trả	6.268.721.972	8.748.411.266	4.835.998.204
6	Các khoản phải trả khác	4.225.136.422	3.695.538.774	5.002.143.060
7	Vay và nợ thuê tài chính	390.503.012.476	341.027.532.282	507.185.370.918
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.441.383.127	1.731.423.800	1.837.421.389
II	Nợ dài hạn	651.869.354.578	467.536.504.229	424.152.255.789
1	Vay và nợ thuê tài chính	651.520.236.400	467.173.155.962	423.685.922.285
2	Dự phòng phải trả dài hạn	349.118.178	363.348.267	466.333.504
	Tổng cộng	1.329.444.394.078	1.199.891.718.708	1.417.156.130.565

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, BCTC hợp nhất Quý III/2018 của CTCP Sợi Thép Kỳ

14. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,88	0,84
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,28	0,29
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số Nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0,51	0,41
-	Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,50	1,04
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	3,22	4,40
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,67	1,01
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,1	5,0
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,1	12,8
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,4	5,0
-	Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,2	5,3
5	Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần			
-	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	477	1.662

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của CTCP Sợi Thép Kỳ

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ số này cho thấy khả năng thanh khoản của một doanh nghiệp, là chỉ tiêu để Công ty có thể theo dõi tình trạng tài chính trong ngắn hạn, đảm bảo không rơi vào tình trạng kiệt quệ tài chính. Hệ số thanh toán ngắn hạn của STK năm 2017 chỉ đạt 0,84 lần, giảm nhẹ so với 0,88 lần năm 2016, điều này phản ánh khả năng thanh toán ngắn hạn không tốt do tài sản ngắn hạn không đủ để chi trả cho nợ ngắn hạn. Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh tăng nhẹ từ 0,28 lần lên 0,29 lần.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Nợ vay chiếm tỷ trọng khá cao trong cơ cấu vốn của STK. Tuy nhiên, hai chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2017 có xu hướng giảm so với năm trước. Tỷ lệ nợ vay/ tổng tài sản giảm từ 0,51 lần năm 2016 giảm còn 0,41 lần năm 2017. Tỷ lệ nợ vay/ vốn chủ sở hữu là 1,04 lần, giảm so với 1,5 lần năm trước. Nguyên nhân chủ yếu có sự biến động cơ cấu vốn đến từ việc Công ty thực hiện trả nợ vay để giảm chi phí lãi vay trong khi vốn chủ sở hữu tăng lên do Công ty tăng vốn điều lệ (thông qua việc chi trả cổ tức năm tài chính 2016 bằng cổ phiếu) và lợi nhuận giữ lại tăng lên. Công ty đã chủ động hoàn thành các nghĩa vụ trả nợ để giảm hệ số nợ vay, góp phần xây dựng tình hình tài chính lành mạnh.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty có xu hướng tăng trong năm 2017. Cụ thể, Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 3,22 lần lên 4,40 lần, điều này cho thấy hiệu quả của việc tiết kiệm chi phí và giải phóng hàng tồn kho (gồm công tác quản lý hàng tồn kho, quản lý lượng hàng xuất và lưu kho). Vòng quay tài sản năm 2017 từ 0,67 lần tăng lên 1,01 lần cho thấy hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty, 1 đồng tài sản của STK hiện tại đã có khả năng tạo ra hơn 1 đồng doanh thu.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhờ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 có nhiều khả quan hơn năm 2016, do đó tình hình tài chính của STK cũng được cải thiện. Các chỉ số về khả năng sinh lời (ROA, ROS, ROE) được cải thiện do lợi nhuận và doanh thu năm 2017 đạt mức tăng trưởng vượt bậc so với năm 2016, lợi nhuận sau thuế năm 2017 là 99,6 tỷ đồng tăng gần 2,5 lần năm 2016 (28,6 tỷ đồng). Cụ thể, hệ số ROE tăng từ 4,13% lên 13,52% cho thấy 1 đồng vốn chủ sở hữu có thể mang lại 0,1352 đồng lợi nhuận sau thuế cho cổ đông. Hệ số ROA tăng từ 1,0% lên 5,0%, hệ số ROS từ 2,1% tăng lên 5,0% và biên lợi nhuận từ HĐKD từ 2,2% tăng lên 5,3%.

15. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

15.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
1	Đặng Triệu Hòa	Chủ tịch HĐQT	1969	023323686
2	Đặng Hương Cường	Thành viên HĐQT	1976	023323688
3	Đặng Mỹ Linh	Thành viên HĐQT	1972	023323687
4	Cao Thị Quế Anh	Thành viên HĐQT	1966	025490567

5	Võ Quang Long	Thành viên HĐQT	1962	024937902
6	Chen Che Jen	Thành viên HĐQT	1964	307302750
7	Nguyễn Quốc Hương	Thành viên HĐQT	1971	001071016584

❖ Ông Đặng Triệu Hòa – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	Đặng Triệu Hòa	Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh:	19/10/1969	
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	023323686 do Công an TP.HCM cấp ngày 25/12/2006	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	Số 51 (A30) Đường Bàu Cát, Quận Tân Bình, TP.HCM	
Trình độ chuyên môn:	Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1991 – 1995 - Giám đốc Công ty TNHH TM-DV Việt Phú. - Từ năm 1995 – 2000 - Giám đốc Công ty TNHH TM-DV Hoàn Á - Từ năm 2000 – nay - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Sợi Thẻ Kỹ 	
Chức vụ công tác hiện nay tại STK	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không	
Số cổ phần đang nắm giữ tại STK	8.332.793 cổ phần, chiếm 13,90% vốn điều lệ	
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Cá nhân sở hữu:	8.332.793 cổ phần, chiếm 13,90% vốn điều lệ	
- Người có liên quan:		
Em gái - Đặng Mỹ Linh	5.112.168 cổ phần, chiếm 8,53% vốn điều lệ	
Em trai - Đặng Hương Cường	5.112.168 cổ phần, chiếm 8,53% vốn điều lệ	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
Các lợi ích có liên quan tới Công ty:	Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không	

❖ Ông Đặng Hương Cường – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	Đặng Hương Cường	Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh:	04/07/1976	
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	023323688 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/07/2014	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	65/39 Phú Thọ, P1, Quận 11, TP.HCM	
Trình độ chuyên môn:	Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác:		
- Từ năm 2000 đến nay:	- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ	
- Từ năm 2004 đến nay:	- Giám đốc Công ty TNHH P.A.N Châu Á	
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK	Thành viên HĐQT	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty TNHH P.A.N Châu Á	
Số cổ phần đang nắm giữ tại STK	5.112.168 cổ phần, chiếm 8,53% vốn điều lệ	
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Cá nhân sở hữu:	5.112.168 cổ phần, chiếm 8,53% vốn điều lệ	
- Người có liên quan:		
Anh trai - Đặng Triệu Hòa	8.332.793 cổ phần, chiếm 13,90% vốn điều lệ	
Chị gái - Đặng Mỹ Linh	5.112.168 cổ phần, chiếm 8,53% vốn điều lệ	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
Các lợi ích có liên quan tới Công ty:	Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không	

❖ Bà Đặng Mỹ Linh - Thành viên HĐQT Quản trị Công ty

Họ và tên:	Đặng Mỹ Linh
Ngày tháng năm sinh:	19/01/1972
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	023323687 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/02/2011
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	65/39 Phú Thọ, P1, Quận 11, TP.HCM
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- Từ năm 1993 – 1999:	- Trợ lý Tổng Giám đốc Worldtex Enterprise Co. Ltd
- Từ năm 2000 - nay:	- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ
- Từ năm 2001 - nay:	- Tổng Giám đốc Công ty cổ phần TM & ĐT Liên An Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV PT BĐS Khải Tiến
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK	Thành viên HĐQT
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Tổng Giám đốc Công ty cổ phần TM & ĐT Liên An - Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV PT BĐS Khải Tiến
Số cổ phần đang nắm giữ tại STK	5.112.168 cổ phần, chiếm 8,53% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu:	5.112.168 cổ phần, chiếm 8,53% vốn điều lệ
- Người có liên quan:	
Anh trai - Đặng Triệu Hòa	8.332.793 cổ phần, chiếm 13,90% vốn điều lệ
Em trai - Đặng Hương Cường	5.112.168 cổ phần, chiếm 8,53% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các lợi ích có liên quan tới Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

❖ Bà Cao Thị Quế Anh - Thành viên HĐQT Quản trị Công ty

Họ và tên:	Cao Thị Quế Anh
Ngày tháng năm sinh:	17/04/1966
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	025490567 do CA. TP.HCM cấp ngày 08/10/2011.
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	31A Lê Văn Miến, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. HCM
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư - Đại học Bách khoa Hà Nội
Quá trình công tác:	
- Từ năm 1991 – 2003:	- Kinh doanh tự do tại Cộng hòa Ba Lan
- Từ năm 2003 – 2008:	- Kinh doanh tự do tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Từ năm 2008 – nay:	- TGD Công ty Cổ phần Thực Phẩm Xanh
- Từ năm 2009 – 2012:	- Thành viên Hội đồng đầu tư; Thành viên HĐQT; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
- Từ 1/2015 – nay:	- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ.
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK	Thành viên Hội đồng quản trị
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	- TGD Công ty Cổ phần Thực Phẩm Xanh
Số cổ phần đang nắm giữ tại STK	425.040 cổ phần, chiếm 0,71% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu:	425.040 cổ phần, chiếm 0,71% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các lợi ích có liên quan tới Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

❖ Ông Võ Quang Long - Thành viên HĐQT Quản trị Công ty

Họ và tên:	Võ Quang Long	Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh:	28/10/1978	
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	024937902 cấp ngày 02/07/2008 tại CA TP.HCM	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	67/34, đường số 7, Phường 03, Quận Gò Vấp, TP.HCM	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác:		
- Từ 2000-2006	- Trưởng phòng Quản lý chi phí Công ty bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Life Việt Nam	
- Từ 2006-2009	- Trưởng phòng Đầu tư Công ty quản lý quỹ ACB	
- Từ 1/2010-9/2010	- Trưởng phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TPHCM (HDBank)	
- Từ 10/2010-01/2018	- Phó Giám đốc khối kinh doanh tiền tệ và đầu tư Ngân hàng TMCP Phương Đông	
- Từ 02/2018-nay	- Tổng giám đốc Công ty CP tư vấn đầu tư Hướng Việt	
- Từ 04/2018-nay	- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ	
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK	Thành viên Hội Đồng Quản trị	
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không.	
Số cổ phần đang nắm giữ tại STK	12.083.414 cổ phần, chiếm 20,16% vốn điều lệ	
- Đại diện sở hữu:	12.083.414 cổ phần, chiếm 20,16% vốn điều lệ	
- Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
Các lợi ích có liên quan tới Công ty:	Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không	

❖ Ông Chen Che Jen - Thành viên HĐQT Công ty

Họ và tên:	Chen Che Jen	Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh:	10/12/1964	
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	307302750 cấp ngày 10/06/2013 tại Đài Loan	
Quốc tịch:	Đài Loan	
Địa chỉ thường trú:	3F, No.18, Lane 158, Wunde 2 nd Road, Gueishan Township, Taoyuan Country 333, Taiwan	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Viện Công nghệ Đài Bắc	
Quá trình công tác:		
- Từ 1990 – 1997	- Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Formosa Taffeta	
- Từ 1997 – 1999	- Giám đốc Công ty TNHH Formosa Taffeta Hongkong	
- Từ 2002-nay	- Giám đốc Marketing Công ty TNHH Formosa Taffeta Việt Nam	
- Từ 04/2018-nay	- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ	
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK	Thành viên Hội Đồng Quản trị	
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Marketing Công ty TNHH Formosa Taffeta Việt Nam.	
Số cổ phần đang nắm giữ tại STK	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
Các lợi ích có liên quan tới Công ty:	Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không	

❖ Ông Nguyễn Quốc Hương - Thành viên HĐQT Công ty

Họ và tên:	Nguyễn Quốc Hương	Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh:	03/11/1971	
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	001071016584 cấp ngày 21/03/2018 tại Cục Cảnh Sát ĐLQL cư trú và DLQG về Dân cư	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	Căn hộ 4C118 khu phố The Panorama, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, TPHCM	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác:		
- Từ 1993 – 1995	- Nhân viên Ngân hàng Eximbank	
- Từ 1995- 2002	- Phó phòng tín dụng Ngân hàng Eximbank	
- Từ 2002 – 2006	- Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng Eximbank	
- Từ 2006 – 2013	- Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Eximbank	
- Từ 2013-2014	- Tổng giám đốc Ngân hàng Eximbank	
- Từ 04/2018-nay	- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ	
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK	Thành viên Hội Đồng Quản trị	
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không	
Số cổ phần đang nắm giữ tại STK	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
Các lợi ích có liên quan tới Công ty:	Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không	

15.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Kiểm Soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng Ban	1952	020064724
2	Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền	Thành viên	1990	070190000085
3	Bà Đinh Ngọc Hoa	Thành viên	1979	079179002343

❖ Ông Nguyễn Tự Lực – Trưởng ban kiểm soát

Họ và tên:	Nguyễn Tự Lực	Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh:	05/01/1952	
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	020064724 cấp ngày 18/07/2002 tại CA TP HCM	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	227/28 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán	
Quá trình công tác		
- Từ năm 1980 – 1984:	- Kế toán trưởng Công ty Khách sạn TP.HCM;	
- Từ năm 1984 – 2000:	- Kế toán trưởng Công ty Xuất nhập khẩu Giày dép Nam Á;	
- Từ năm 2000 – 2007:	- Kế toán trưởng Công ty CP Sợi Thế Kỳ;	
- Từ năm 2007 – nay:	- Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Sợi Thế Kỳ.	
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK	Trưởng Ban kiểm soát Công ty	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không	
Số cổ phần nắm giữ:	42.000 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ	
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Cá nhân sở hữu:	42.000 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ	
- Người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
Các lợi ích có liên quan tới Công ty:	Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không	

❖ Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyên – Thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên:	Hoàng Nữ Mộng Tuyên	Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh:	16/05/1990	
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	070190000085 cấp ngày 27/02/2017 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	tổ 4, ấp Trảng Lắm, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.	
Trình độ chuyên môn:	Đại học	
Quá trình công tác:		
- Từ năm 2012 – nay:	- Trưởng nhóm Sales Admin, Công ty CP Sợi Thế Kỹ;	
- Từ tháng 4/2018 – nay:	- Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Sợi Thế Kỹ;	
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK	Thành viên BKS	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không	
Số cổ phần nắm giữ:	2.007 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ	
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0%/vốn điều lệ	
- Cá nhân sở hữu:	2.007 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ	
- Người có liên quan	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	
Các lợi ích có liên quan tới Công ty:	Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không	

❖ Bà Đinh Ngọc Hoa – Thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên:	Đinh Ngọc Hoa	Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh:	15/12/1979	
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	079179002343 cấp ngày 18/10/2016 tại Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân Cư	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	5/6 tỉnh Lộ 8, Khu Phố 1, Thị Trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP HCM	
Trình độ chuyên môn:	Đại học	
Quá trình công tác:		
- Từ năm 2002 – 2004:	- Nhân viên kế toán CTY TNHH Vĩ Hợp;	
- Từ năm 2005 – nay:	- Trưởng Phòng Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ CTY CP Sợi Thế Kỹ;	
- Từ tháng 4/2018 – nay:	- Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Sợi Thế Kỹ;	
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK	Thành viên BKS	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không	
Số cổ phần nắm giữ:	8 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ	
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Cá nhân sở hữu:	8 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ	
- Người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	
Các lợi ích có liên quan tới Công ty:	Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không	

15.3. Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Ông Đặng Triệu Hòa	Tổng Giám đốc	1969	023323686
2	Bà Nguyễn Phương Chi	Giám đốc Chiến lược	1972	011808642
3	Ông Nguyễn Thái Hùng	Giám đốc Tổng Quản lý	1956	022214306
4	Ông Phan Như Bích	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	1970	026000231

❖ Ông Đặng Triệu Hòa - Tổng Giám đốc

Xem lại phần SYLL của Hội đồng quản trị

❖ Bà Nguyễn Phương Chi – Giám đốc Chiến lược

Họ và tên:	Nguyễn Phương Chi	Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh:	12/09/1972	
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	011808642, ngày cấp 26/08/2002, nơi cấp: CA Hà Nội	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	Căn hộ 12.02, Lô M2, Chung cư 01 Tôn Thất Thuyết, Phường 1, Quận 4, TP.HCM.	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng	
Quá trình công tác:		
- Từ 3/1997-3/2000:	- Trợ lý Luật sư. Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà Nội.	
- Từ 10/2002-10/2004:	- Chuyên viên Tài chính Cao cấp, Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd.	
- Từ 10/2004 – 02/2005:	- Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông (“MPDF”).	
- Từ 4/2005 – 2/2008:	- Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd.	
- Từ 3/2008-12/2014:	- Giám đốc tư vấn đầu tư Công ty cổ phần Quốc tế Trí Tín.	
- Từ 1/2015 – nay:	- Giám đốc chiến lược CTCP Sợi Thép Kỹ	
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK	Giám đốc chiến lược	
Các chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không	
Số cổ phần nắm giữ :	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	
Các lợi ích có liên quan tới Công ty:	Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không	

❖ Ông Nguyễn Thái Hùng – Giám đốc Tổng Quản lý

Họ và tên:	Nguyễn Thái Hùng	Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/11/1956	
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	022214306 cấp ngày 15/8/2011 tại CA TP. HCM	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	43/74 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM.	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Vật lý	
Quá trình công tác:		
- Từ 1982 – 1993:	- Trưởng phòng Thí nghiệm Sợi Công ty Dệt Việt Thắng (Thủ Đức);	
- Từ 1994 – 1998:	- Xưởng Trưởng Công ty Sợi Liên Minh (Đài Loan, KCX Tân Thuận);	
- Từ 1998 – 2000:	- Giám Đốc Nhà Máy Dệt Công Ty TNHH Dệt May Thái Tuấn;	
- Năm 2001:	- Xưởng Trưởng Công Ty TNHH SX – TM Thép Kỹ;	
- Từ 2002 – 2008:	- Giám Đốc Nhà Máy Dệt 1 và Nhà Máy Dệt 2 Công ty CP Tập đoàn Dệt May Thái Tuấn;	
- Từ 2008 – 2010:	- Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Sợi Thép Kỹ;	
- Từ 2011 – 2016	- Giám Đốc Sản xuất Công ty CP KYVY;	
- Từ 2/2018 – nay:	- Giám đốc Tổng quản lý CTCP Sợi Thép Kỹ	
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK	Giám đốc Tổng quản lý	
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không có	
Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
- Người có liên quan	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ	
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	
Các lợi ích có liên quan tới Công ty:	Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không	

❖ Ông Phan Như Bích - Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên:	Phan Như Bích
Ngày tháng năm sinh:	13/06/1970
CMND số, ngày cấp, nơi cấp:	026000231 cấp ngày 03/03/2015 tại CA. Bình Phước
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	69/14/9 đường số 3, khu phố 2, P. Bình Hưng Hòa, Q. Bình Tân, TP. HCM.
Trình độ chuyên môn:	Đại học
Quá trình công tác:	
- Từ năm 1997 – 2004:	- Kế toán Điện Lược Tỉnh Bình Phước
- Từ năm 2004 – 2010:	- Kế toán và Kiểm soát Công ty CP ĐT-TM Dệt May Thành Công
- Từ năm 2010 đến nay:	- Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Sợi Thế Kỷ
Các chức vụ công tác hiện nay tại STK	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ:	40.554 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu:	40.554 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ
- Người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các lợi ích có liên quan tới Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

16. Tài sản**16.1. Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính tại 30/09/2018**

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	1.935.996.380.548	837.160.063.571	1.098.836.316.977
Nhà xưởng, vật kiến trúc	270.581.433.202	119.034.025.102	151.547.408.100
Máy móc, thiết bị	1.486.837.001.617	629.953.590.229	856.883.411.388
Phương tiện truyền tải	173.786.219.649	84.743.571.513	89.042.648.136
Trang thiết bị văn phòng	4.791.726.080	3.428.876.727	1.362.849.353
Tài sản cố định vô hình	14.385.298.205	13.910.588.244	474.709.961
Phần mềm máy vi tính	14.385.298.205	13.910.588.244	474.709.961
Tổng cộng	1.950.381.678.753	851.070.651.815	1.099.311.026.938

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2018 của CTCP Sợi Thế Kỷ

16.2. Bất động sản đầu tư

Tại thời điểm 30/09/2018, Công ty không có khoản đầu tư bất động sản.

16.3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tại thời điểm 30/09/2018, chi phí xây dựng dở dang là 100.926.593.251 đồng. Cụ thể:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Giá trị
Máy móc thiết bị	54.330.676.261
Dự án nhà máy Unitex	692.800.000
Chi phí lãi xây dựng hạ tầng	45.903.116.990
Mua tài sản khác	-
Tổng cộng	100.926.593.251

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2018 của CTCP Sợi Thế Kỷ

17. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	
		Kế hoạch	%tăng giảm so với năm 2017
Doanh thu thuần	1.989.053.218.713	2.354.104.946.401	18,35%

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	
		Kế hoạch	%tăng giảm so với năm 2017
Lợi nhuận sau thuế	99.615.432.848	125.854.526.735	26,34%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	5,01%	5,35%	0,34%
Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	15%	15%	-

Nguồn: Số liệu kế hoạch Công ty theo Nghị quyết, Biên bản ĐHCĐ 2018

Căn cứ hoàn thành kế hoạch:

- Xu hướng chuyển dịch đơn hàng may mặc từ Trung Quốc sang các nước châu Á khác đặc biệt là Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam đang trở thành trung tâm cung cấp các sản phẩm dệt may cho các nước ASEAN, cụ thể, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tại Indonesia năm 2017 tăng 23,7% y-o-y, Thái Lan tăng 20,1%, Malaysia tăng 6,7%, Singapore tăng 19%, Campuchia tăng 42,7%, Phillipin tăng 12,9%, Myanmar tăng 35,8%; các nước ngoài ASEAN như Trung Quốc tăng 34,1%, Nhật Bản tăng 7,1%, Hàn Quốc tăng 15,8%, Ấn Độ tăng 70,6% (Nguồn: VCOSA). Theo báo cáo của McKinsey Report, các thị trường mới nổi của Châu Á sẽ đạt mức tăng trưởng cao nhất toàn cầu là 6,5%-7,5%. Chính vì vậy nhu cầu về dệt may trong năm 2018 dự báo sẽ có dư địa tăng khá lớn.
- Theo lộ trình giảm thuế của hiệp định ATIGA (Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN) vẫn có hiệu lực đến năm 2018, các sản phẩm dệt may xuất khẩu sang ASEAN5 sẽ được giảm thuế còn 0%. Đây là cơ hội để Sợi Thế Kỷ tăng tỷ trọng xuất khẩu trên doanh thu lên 61%.
- Công ty cũng tập trung gia tăng tỷ trọng sợi Recycled để đáp ứng cho các đơn hàng xuất khẩu – đây hứa hẹn sẽ là nguồn thu ngày càng lớn của Công ty và góp phần cải thiện biên lợi nhuận.
- Ngoài ra, Công ty cũng đang phát triển thêm danh mục sản phẩm: sợi hút ẩm, sợi CD, sợi Bright nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng trong và ngoài nước. Trong năm 2018, Công ty sẽ tiếp tục tối ưu hóa thị trường xuất khẩu chính như Thái Lan, Hàn Quốc và Nhật Bản, dự kiến khai thác thêm thị trường Indonesia, Mexico...thông qua các kênh thương mại.
- Năm 2018, giá hàng hóa sẽ tiếp tục phục hồi và ổn định theo báo cáo kinh tế của IMF. Theo đó, giá bán được dự kiến sẽ cải thiện tốt. Ngoài ra, các sản phẩm sợi đặc biệt với giá bán cao hơn các loại sợi thông thường cũng sẽ nâng giá bán bình quân của Công ty.

18. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty TNHH một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ là một trong

những doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả trong ngành, với đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã tạo cho Công ty có vị thế trên thị trường. Đồng thời, dựa trên kết quả kinh doanh của 9 tháng đầu năm cũng như các năm trước đó, năng lực hoạt động của Công ty và triển vọng sắp tới của ngành và nền kinh tế; chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tới của Công ty là phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

19. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, Công ty sẽ tiến hành thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phần phát hành thêm.

20. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

21. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán là **10.789.426 cổ phiếu**.

Trong đó:

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017: 4.195.646 cổ phiếu
- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 5.993.780 cổ phiếu
- Chào bán cổ phiếu cho CBCNV: 600.000 cổ phiếu

4. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá chào bán cho CBCNV: 10.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Nguyên tắc xác định giá chào bán được tính theo giá trung bình (có tính đến trọng số) của 2 phương pháp sau:

- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu/thu nhập mỗi cổ phần P/E (gọi tắt là phương pháp so sánh P/E).
- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu trên/ giá trị sổ sách mỗi cổ phần P/BV (gọi tắt là phương pháp P/BV).

5.1. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2017

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2017} &= \text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ} \\ &= 59.937.798 - 0 = 59.937.798 \text{ cổ phần} \end{aligned}$$

Giá trị sổ sách:

Giá trị sổ sách của cổ phiếu STK tại thời điểm 31/12/2017 theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách/ 01 cổ phần} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Tài sản vô hình}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{777.917.779.075}{59.937.798} = \mathbf{12.979 \text{ đồng/CP}} \end{aligned}$$

5.2. Một số chỉ tiêu cơ bản của những doanh nghiệp cùng ngành tại ngày 31/12/2017:

STT	Tên doanh nghiệp	ĐVT	P/E	P/B
1	CTCP Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công	Lần	9,03	1,74

STT	Tên doanh nghiệp	ĐVT	P/E	P/B
2	Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	Lần	5,74	0,64
3	CTCP Everpia	Lần	16,05	0,85
4	CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân	Lần	16,45	0,62
	Bình quân	Lần	11,82	0,96

Nguồn: DAS tổng hợp

5.3. Phương pháp so sánh P/E

Phương pháp này dựa trên EPS tại thời điểm 31/12/2017 của STK theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và hệ số giá trên thu nhập (P/E) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

Chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
Thu nhập trên 01 cổ phiếu tại ngày 31/12/2017	Đồng/cổ phiếu	1.662
Hệ số bình quân P/E của các công ty cùng ngành	Lần	11,82
Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp so sánh P/E	Đồng/cổ phiếu	19.645

5.4. Phương pháp so sánh P/BV

Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách ngày 31/12/2017 của STK và hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/BV) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

Chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
Giá trị sổ sách ngày 31/12/2017 (a)	Đồng	12.979
Hệ số bình quân P/BV của các công ty cùng ngành (b)	Lần	0,96
Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp P/BV(a*b)	Đồng/cổ phiếu	12.460

5.5. Kết luận

Phương pháp	Giá cổ phiếu	Tỷ trọng
Phương pháp so sánh P/E	19.645	50%
Phương pháp so sánh P/BV	12.460	50%
Trung bình gia quyền	16.052	100%

Theo kết quả tính toán ở trên, giá cổ phiếu bình quân của Công ty là **16.052 đồng/cổ phần**. Tính đến yếu tố thận trọng và pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành thêm, Hội đồng quản trị thông qua giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên là 10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương thức phân phối

6.1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông hiện hữu

Số lượng cổ phiếu phát hành: 4.195.646 cổ phiếu

Tổng giá trị phát hành (tính theo mệnh giá): 41.956.460.000 đồng

Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:7. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1 quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu. Cứ 100 quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu thì cổ đông được nhận thêm 7 cổ phiếu mới.

Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn xuống sẽ được hủy bỏ.

Điều kiện về hạn chế chuyển nhượng:

- Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.
- Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

Nguồn vốn để phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán.

Phương thức phân phối:

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu: Phân phối thông qua các thành viên lưu ký, nơi cổ đông mở tài khoản.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu: Phân phối tại Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ, Địa chỉ: Khu B1-1 KCN Tây Bắc, Cù Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

6.2. Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền

Số lượng cổ phiếu chào bán: 5.993.780 cổ phiếu

Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá): 59.937.800.000 đồng

Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu.

Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1 quyền mua cổ phiếu. Cứ 10 quyền mua thì cổ đông được mua thêm 1 cổ phiếu mới.

Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn xuống sẽ được hủy bỏ.

Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:

- Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu có thể được chuyển nhượng.
- Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực

hiện quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ chuyển nhượng duy nhất một (01) lần (Bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho bên thứ ba).

Phương thức phân phối:

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu: Phân phối thông qua các thành viên lưu ký, nơi cổ đông mở tài khoản.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu: Phân phối tại Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ, Địa chỉ: Khu B1-1 KCN Tây Bắc, Cù Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có):

Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn xuống sẽ được hủy bỏ. Số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không mua hết (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị ưu tiên chào bán cho cổ đông hiện hữu khác có nhu cầu, phần còn lại Hội đồng quản trị sẽ lựa chọn đối tượng phù hợp, có đủ tiềm lực tài chính để tiếp tục chào bán với giá không thấp hơn giá phát hành.

Số lượng cổ phiếu không mua hết được phân phối tiếp nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ.

Công ty cũng đảm bảo việc xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết tuân thủ đúng quy định tại khoản 2 Điều 189 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

6.3. Chào bán cổ phiếu cho CBCNV

Số lượng cổ phiếu chào bán: 600.000 cổ phiếu, tương đương chiếm 1% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty

Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá): 6.000.000.000 đồng

Đối tượng chào bán: CBCNV có hợp đồng lao động chính thức tính đến 31/12/2017 từ 1 năm trở lên. Hội đồng quản trị sẽ thông qua tiêu chuẩn, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và danh sách đối tượng CBCNV được quyền mua cổ phiếu.

Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số tiền dự kiến thu về từ việc phát hành cổ phiếu ESOP: 6.000.000.000 đồng

Điều kiện hạn chế chuyển nhượng: CBCNV được mua cổ phiếu trong đợt này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 50% trong vòng 1 năm và 50% còn lại trong vòng 2 năm kể từ ngày phát hành. Công ty mua lại cổ phiếu của nhân viên đã mua cổ phiếu ESOP mà vi phạm quy định về hạn chế chuyển nhượng theo Quy chế phát hành do HĐQT ban hành.

Phương án xử lý cổ phiếu không đăng ký mua hết: Số cổ phiếu không chào bán hết cho CBCNV sẽ được HĐQT tiếp tục chào bán cho người lao động khác có nhu cầu với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phân phối lại cho người lao động khác đảm bảo nguyên tắc hạn chế chuyển nhượng trong vòng 2 năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua.

Phương thức phân phối: Thực hiện tại Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ, Địa chỉ: Khu B1-1 KCN Tây Bắc, Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày có giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong trường hợp vì một số lý do khách quan dẫn đến việc phát hành kéo dài hơn thời hạn 90 ngày, Công ty sẽ đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian phân phối cổ phiếu nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Lịch trình chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến được thực hiện theo trình tự như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (dự kiến)	Ghi chú
1	UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng	D	
2	STK công bố thông tin về đợt chào bán theo quy định	D + 7	Trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu có hiệu lực
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông với VSD và SGDK TP.HCM	D+1 đến D+7	Giả định ngày đăng ký cuối cùng là ngày D+14
4	VSD thông báo danh sách phân bổ quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu cho TVLK	D+18 đến D+19	
5	Cổ đông hiện hữu chuyển nhượng quyền mua (nếu có)	D+21 đến D+31	
6	Cổ đông hiện hữu đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	D+21 đến D+36	Phải đảm bảo tối thiểu 20 ngày theo quy định của Luật Chứng khoán
7	Thực hiện bán và phân bổ số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có)	D+45 đến D+55	
8	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN	D+56 đến D+60	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán

(Ghi chú: D được tính theo ngày làm việc và lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được thông báo chính thức sau khi Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.)

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: Theo quy định, thời gian đăng ký mua tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua cho cổ đông tại Thông báo ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: Là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ thực hiện quyền (10:1) và/hoặc số lượng cổ phiếu được mua từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua của cổ đông khác.

Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: 01 cổ phiếu.

Phương thức thanh toán:

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu (có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền): Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua và nộp tiền/chuyển khoản tiền đặt mua tại công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký (có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền): Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua tại Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ, Địa chỉ: Khu B1-1 KCN Tây Bắc, Cù Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh và nộp tiền/chuyển khoản tiền đặt mua vào tài khoản phong tỏa của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ.

Chuyển giao cổ phiếu:

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu (sau khi kết thúc đợt chào bán) sẽ được đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

Đối với cổ đông chưa lưu ký: Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký tại trụ sở chính của Công ty trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán.

Quyền lợi người mua cổ phiếu:

Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua, cứ 10 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới. Số cổ phần mua được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ chuyển nhượng một lần trong thời gian thực hiện quyền.

Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Không quy định.

9. Phương thức thực hiện quyền

STK thực hiện chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền như sau:

Điều kiện thực hiện quyền: Tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua, cứ 10 quyền mua thì sẽ được mua 01 cổ phiếu mới.

Thời gian thực hiện quyền:

Theo thời gian dự kiến nêu trong Lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến tại mục V.7. Thời gian chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu, thời gian đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm, thời gian chuyển nhượng quyền mua sẽ được Công ty thông báo cụ thể tại Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam sau khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền

Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện được quyền mua cổ phiếu, các vấn đề có liên quan được ủy quyền cho HĐQT giải quyết.

Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phần

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (*người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba*) trong thời gian thực hiện quyền.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền mua bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ đông.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

Căn cứ Điều 2a Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 và ngành nghề, lĩnh vực đầu tư kinh doanh của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ được công bố trên công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia <https://dangkykinhdoanh.gov.vn> và tham chiếu danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trên cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài <https://dautunuoctngoai.gov.vn/fdi> thì tỷ lệ sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài áp dụng với Công ty tối đa là 49%.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 15/06/2018, Công ty có 43 cổ đông nước ngoài sở hữu cổ phần của Công ty là 5.702.779 cổ phần, chiếm 9,51% vốn điều lệ.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017:

- Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Cổ đông không được chuyển nhượng quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức cho người khác.

Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

- Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba).
- Đối với số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết và Công ty xử lý phân phối lại cho đối tượng khác thì số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Chào bán cổ phiếu cho CBCNV:

- Cổ phiếu phát hành cho CBCNV bị hạn chế chuyển nhượng 50% trong vòng 01 năm và 50% còn lại trong vòng 02 năm kể từ ngày phát hành.

12. Các loại thuế có liên quan**12.1. Các loại thuế có liên quan đến Công ty****❖ Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

- Đối với Trụ sở chính Củ Chi, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20% lợi nhuận chịu thuế.
- Đối với chi nhánh Trảng Bàng, theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh do Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Tây Ninh cấp ngày 06/09/2016, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với sản phẩm DTY và FDY của dự án với thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ năm 2016. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi dự án có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo.
- Đối với Unitex, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20% lợi nhuận chịu thuế. Unitex được miễn thuế trong 2 năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

❖ Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng áp dụng cho các sản phẩm của Công ty là 10%.

❖ Thuế xuất nhập khẩu

Thuế xuất nhập khẩu áp dụng cho Công ty là từ 0 – 5%.

❖ Các loại thuế khác

Thuế tài nguyên, thuế thu nhập cá nhân và một số loại thuế khác tuân thủ luật thuế hiện hành.

12.2. Các loại thuế có liên quan tới hoạt động giao dịch chứng khoán

- ❖ **Đối với nhà đầu tư cá nhân:** Theo Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ban hành ngày 21/11/2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012, các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - + Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - + Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - + Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức:**

- Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất.

Trong đó:

+ *Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán.*

+ *Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.*

- Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Số tiền thu được từ đợt chào bán này sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại ngân hàng theo thông tin chi tiết như sau:

- Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ
- Số tài khoản: 200014851258022
- Ngân hàng: Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM
- Địa chỉ: (Tầng 1 - Tầng 7) Tòa nhà số 229 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Số tiền thu được từ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 59.937.800.000 đồng sẽ được sử dụng để đầu tư cho dự án Trảng Bàng 5 để tăng công suất sợi DTY (Draw Textured Yarn) và Polyester Chip (từ tái chế sợi phế) để sản xuất sợi tái chế. Dự án Trảng Bàng 5 là Giai đoạn IV Dự án “Nhà máy sản xuất sợi tơ tổng hợp POY, DTY, FDY” theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số dự án 0380478317) do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh chứng nhận lần đầu ngày 26/06/2009 và chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 08/10/2018.

2. Phương án khả thi

2.1. Sự cần thiết đầu tư vào dự án

- Với ưu thế từ các hiệp định thương mại song phương và đa phương, các đơn hàng dệt may từ Trung Quốc đã và đang chuyển dịch về Việt Nam để tận dụng các ưu đãi về thuế suất từ các hiệp định thương mại. Việt Nam đang trở thành một trong những nhà sản xuất lớn ở Châu Á, cung cấp sản phẩm cho các thương hiệu lớn trong ngành thời trang và thể thao. Bên cạnh đó, ngành dệt may toàn cầu có xu hướng chú trọng đến tiêu dùng xanh và phát triển bền vững. Đây là lợi thế cho các công ty nhà cung cấp đạt tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội (CSR) và công nghệ tái sinh, sản phẩm thân thiện với môi trường.
- Thực hiện Dự án Trảng Bàng 5 sẽ giúp Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỹ tăng công suất sản lượng DTY để sử dụng công suất POY đang dư của Công ty.
- Theo Quyết định số: 12/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2011 và Quyết định số: 1483/QĐ-TTg ngày 26 tháng 08 năm 2011 của Thủ Tướng Chính phủ thì sản phẩm sản xuất sợi tơ tổng hợp của chi nhánh Trảng Bàng được đưa vào danh mục các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển sẽ được các Bộ chức năng xem xét áp dụng cơ chế hỗ trợ thích hợp theo quy định.
- Với máy tái chế sợi phế Polyester nhập khẩu (recoSTAR dynamic 85 H-VAC) xuất xứ Châu Âu, Công ty sẽ sử dụng các loại sợi phế để tái chế ra Recycled Polyester Chip đưa vào sản xuất để sản xuất ra DTY/FDY. Việc đầu tư mang lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường, phù hợp xu thế hiện nay của thế giới.

2.2. Giới thiệu dự án

- Tên dự án: “**Giai đoạn 4 Dự án nhà máy sản xuất sợi tơ tổng hợp POY, DTY, FDY (gọi tắt: Dự án Trảng Bàng 5)**”
- Mục đích dự án: Mở rộng quy mô sản xuất sợi tơ tổng hợp DTY
- Địa điểm xây dựng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- Diện tích dự án: 11.030 m²
- Sản phẩm của dự án:
 - Sợi DTY



➤ Polyester Chip từ tái chế sợi phế

Tổng giá trị đầu tư dự kiến: 125.094.453.846 đồng

Hạng mục	Giá trị (đồng)
Tổng chi phí đầu tư	125.094.453.846
I- Máy móc, thiết bị phụ trợ, điều không	72.195.660.000
II- Tiền đất và công trình phục vụ nhà xưởng	52.898.793.846
1/Đất (11.030m ²)	13.237.588.320
2/Xây dựng nhà xưởng, hệ thống cung cấp điện, công trình phụ trợ	39.141.005.526
3/Chi phí khác	520.200.000

Sản lượng sản xuất hàng năm dự kiến:

➤ Sợi DTY: 3.300 tấn

➤ Polyester Chip: 1.500 tấn

Doanh thu hàng năm dự kiến: 156,2 tỷ VNĐ (6.848.967 USD)

Trong đó:

➤ DTY: 123,4 tỷ VNĐ (5.408.935 USD)

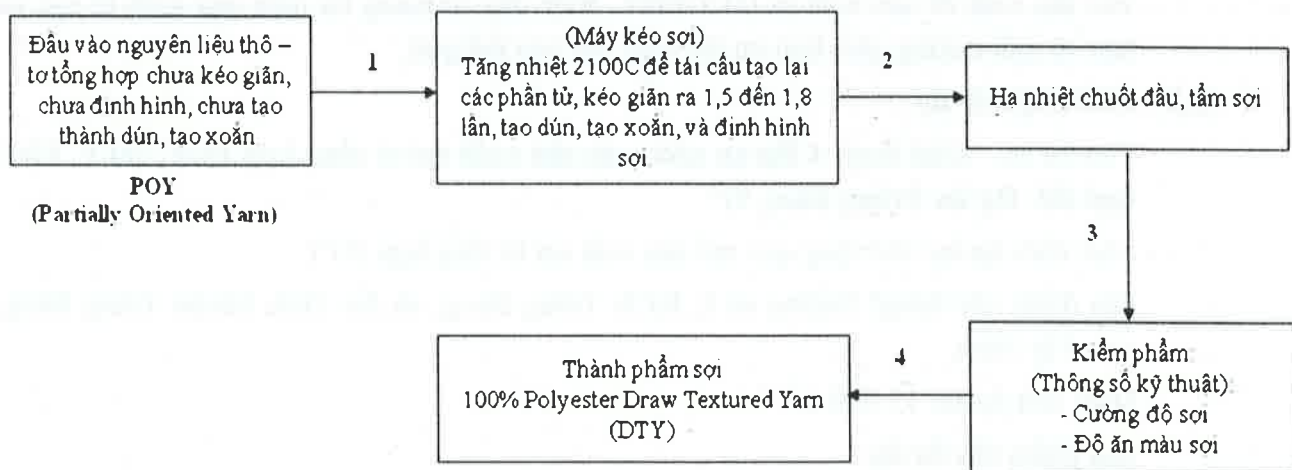
➤ Recycled Polyester Chip: 32,8 tỷ VNĐ (1.440.032 USD) (Tính toán trong dự án):
Phục vụ nhu cầu nội bộ sản xuất sợi tái chế, không bán ra bên ngoài.

Giải quyết việc làm mới: 50 người

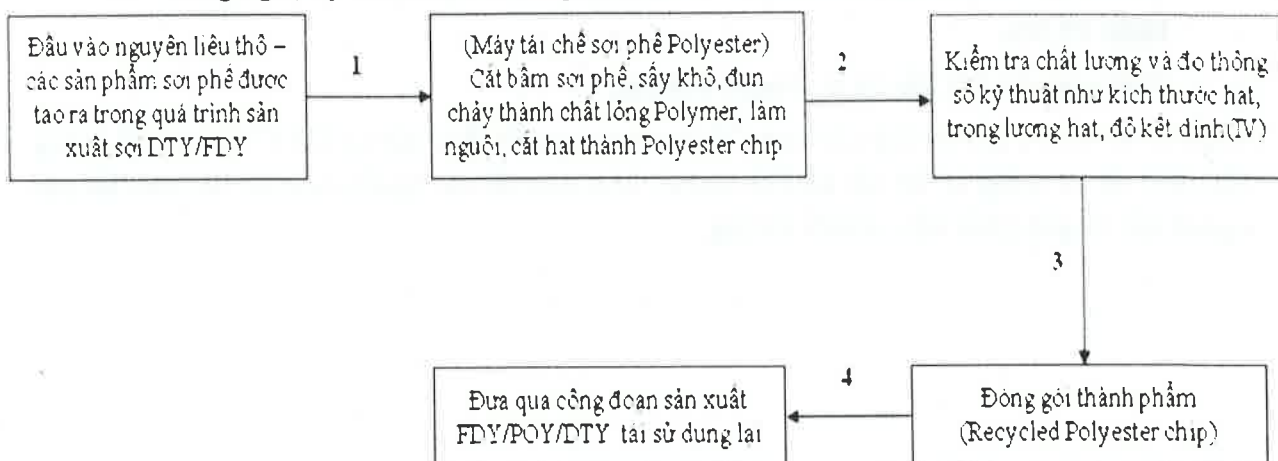
Thời gian hoạt động của dự án: 36 năm.

Quy trình sản xuất:

➤ Công nghệ kỹ thuật sản xuất sợi DTY Polyester: Công nghệ hiện đại, máy chính do nước ngoài sản xuất, bao gồm:



➤ Công nghệ kỹ thuật tái chế sợi phê:



- Thời gian triển khai dự án dự kiến:

Dự kiến triển khai trong tháng 11/2017, 12/2017: tiến hành nhận đất xây dựng nhà xưởng, công trình phục vụ đến tháng 8/2018 hoàn tất, hợp đồng mua máy DTY, chuyên máy tái chế sợi phê tháng 5/2018 máy móc nhập khẩu về công ty tiến hành lắp đặt, chạy thử máy móc-thiết bị đến tháng 12/2018 vận hành nhà máy đi vào vận hành 100% công suất máy móc thiết bị, khai thác thương mại vào tháng 01/2019.

2.3. Đánh giá tính hiệu quả của dự án

- Nguồn vốn đầu tư dự án gồm vốn vay và vốn chủ sở hữu. Trong đó:

- Vốn vay chiếm từ 50% đến tối đa 70% tổng vốn đầu tư;
- Vốn chủ sở hữu tài trợ phần còn lại: dao động từ tối thiểu 30% đến 50% tổng vốn đầu tư.

- Trên cơ sở thận trọng, khi đánh giá hiệu quả đầu tư của Dự án này, Công ty tính toán các chỉ số NPV, IRR trên cơ cấu vốn tài trợ dự án là 70% vốn vay và 30% vốn chủ sở hữu, với kết quả là:

- NPV: 124.517.205.038 đồng
- IRR: 27,9%
- Thời gian thu hồi vốn: 5 năm 8 tháng

2.4. Kết luận

Qua phân tích và tính toán hiệu quả của dự án này có các chỉ tiêu với kết quả như sau:

- Đạt công suất sản lượng hàng năm hơn: **3.300 tấn sợi DTY, Recycled Polyester Chip: 1.500 tấn**
- Doanh thu thuần bình quân hàng năm: **156,2 tỷ VNĐ**
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất theo luật thuế hiện hành.
- Lợi nhuận trước thuế bình quân hàng năm: **26,8 tỷ VNĐ**
- Lợi nhuận sau thuế bình quân hàng năm: **23,9 tỷ VNĐ**
- Giải quyết việc làm mới cho khoảng 50 người



- Hoàn toàn có khả năng trả nợ vay và đúng hạn.
- **IRR: 27,9%**
- Thời gian thu hồi đầu tư là: **5 năm 8 tháng.**

Trên cơ sở đó, có thể kết luận là dự án “Mở rộng quy mô sản xuất sợi DTY” hoàn toàn mang tính khả thi và mang lại lợi ích kinh tế-xã hội, bên cạnh đó tạo nguồn nguyên liệu tại chỗ cho ngành dệt và góp phần bảo vệ môi trường.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN
1. Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán

Khoản mục	Số lượng cổ phiếu phát hành (CP)	Giá chào bán	Số tiền dự kiến thu được (đồng)
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017	4.195.646	0	0
Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	5.993.780	10.000	59.937.800.000
Chào bán cổ phiếu cho CBCNV	600.000	10.000	6.000.000.000
Tổng cộng	10.789.426		65.937.800.000

2. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phiếu cho CBCNV sẽ được sử dụng cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Mục đích	Số tiền dự kiến	Thời gian dự kiến
Số tiền thu được đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu		
Tài trợ dự án Trảng Bàng 5 (*)	59.937.800.000	11/2018 – 06/2019
✓ Chi phí đầu tư nhà xưởng (đất đai, công trình xây dựng, công trình phụ trợ ...)	45.136.472.000	
✓ Một phần chi phí mua máy móc thiết bị	14.801.328.000	
Số tiền thu được từ chào bán cổ phiếu ESOP cho CBCNV		
✓ Bổ sung vốn lưu động	6.000.000.000	2018 – 2019 theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty
Tổng cộng	65.937.800.000	

(*) Trong quá trình triển khai thực hiện phương án, nếu điều kiện thực tế thay đổi, Hội đồng quản trị sẽ điều chỉnh chi tiết phương án sử dụng vốn phù hợp với thực tế, đảm bảo đúng mục đích sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua.

3. Phương án xử lý trong trường hợp không huy động đủ nguồn vốn

Nguồn vốn huy động qua đợt chào bán tùy thuộc vào biến động của nền kinh tế, biến động ngành dệt may nói chung và thị trường chứng khoán. Do vậy trong trường hợp không huy động đủ số tiền dự kiến phát hành để tài trợ cho dự án Trảng Bàng 5, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn từ lợi nhuận còn lại chưa phân phối, nguồn khấu hao lũy kế hoặc tăng vốn từ các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**1. Tổ chức phát hành****CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỸ**

Địa chỉ : Khu B1-1 KCN Tây Bắc, Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. HCM

Điện thoại : 028 3790 7565 Fax: 028 3790 7566

2. Tổ chức kiểm toán**CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

Địa chỉ : Số 2 Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại : (028) 3824 5252 Fax: (028) 3824 5250

3. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. HCM

Điện thoại: (028) 38336333 Fax: (028) 38333891

❖ Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của thị trường đang ngày càng đa dạng, phong phú.

Trong bối cảnh nền kinh tế đang có dấu hiệu phục hồi, nền kinh tế địa phương được dự báo sẽ tăng trưởng vượt bậc, định hướng đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty hoàn toàn phù hợp với xu hướng của nền kinh tế nói chung và định hướng phát triển của ngành dệt may nói riêng.

Ngoài ra, đối tượng của đợt chào bán của đợt phát hành chủ yếu là cổ đông hiện hữu và cán bộ chủ chốt của Công ty nên người được quyền mua cổ phiếu hiểu rất rõ về định hướng phát triển, tình hình kinh doanh cũng như ban lãnh đạo Công ty. Vì vậy, rủi ro của đợt chào bán là khá thấp. Nếu không có các diễn tiến thất thường gây ảnh hưởng đến đợt phát hành thì kế hoạch chào bán cổ phiếu của Công ty có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, những ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin thu thập có chọn lọc dựa trên lý thuyết tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được báo cáo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. **Phụ lục II:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
3. **Phụ lục III:** Điều lệ công ty
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016; Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất kiểm toán năm 2017; Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất Quý 3 năm 2018
5. **Các phụ lục khác.**



X. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Ngày 17. tháng 12. năm 2018

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẺ KỸ**

CHỦ TỊCH HĐQT *lm*

KIỂM TỌNG GIÁM ĐỐC



DĂNG TRIỆU HÒA

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

he

[Handwritten signature]

PHAN NHƯ BÍCH

NGUYỄN TỰ LỰC

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**

TỔNG GIÁM ĐỐC *cf*



DƯƠNG THẾ QUANG